PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 20/2013/TT-BTNMT ngày 01 tháng 8 năm 2013 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Phú Thọ

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH PHÚ THỌ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BTNMT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tiếp theo Công báo 499 + 500)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Châu	DC	xã Bảo Thanh	H. Phù Ninh	21° 27' 32"	105° 17' 29"					F-48-67-B-a
xóm Thanh Thúy	DC	xã Bảo Thanh	H. Phù Ninh	21° 27' 42"	105° 18' 00"					F-48-67-B-a
xóm Triệu	DC	xã Bảo Thanh	H. Phù Ninh	21° 28' 23"	105° 17' 09"					F-48-67-B-a
xóm Tư Phấn	DC	xã Bảo Thanh	H. Phù Ninh	21° 27' 57"	105° 18' 11"					F-48-67-B-a
hồ Dọc Dậm	TV	xã Bảo Thanh	H. Phù Ninh	21° 27' 34"	105° 16' 54"					F-48-67-B-a
đường tỉnh 323D	KX	xã Bảo Thanh	H. Phù Ninh			21° 28' 37"	105° 17' 44"	21° 27' 22"	105° 17' 22"	F-48-67-B-a
cầu Dê	KX	xã Bảo Thanh	H. Phù Ninh	21° 28' 37"	105° 17' 44"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông	DC	xã Bình Bộ	H. Phù Ninh	21° 25' 14"	105° 23' 00"					F-48-67-B-b
xóm Minh Tiến	DC	xã Bình Bộ	H. Phù Ninh	21° 25' 02"	105° 22' 17"					F-48-67-B-a
xóm Nguyên Nhạc	DC	xã Bình Bộ	H. Phù Ninh	21° 25' 43"	105° 22' 38"					F-48-67-B-b
thôn Cả	DC	xã Gia Thanh	H. Phù Ninh	21° 26' 37"	105° 18' 59"					F-48-67-B-a
thôn Đa	DC	xã Gia Thanh	H. Phù Ninh	21° 27' 03"	105° 18' 56"					F-48-67-B-a
thôn Mai	DC	xã Gia Thanh	H. Phù Ninh	21° 26' 26"	105° 18' 19"					F-48-67-B-a
thôn Rền	DC	xã Gia Thanh	H. Phù Ninh	21° 26' 45"	105° 19' 25"					F-48-67-B-a
thôn Nội	DC	xã Hạ Giáp	H. Phù Ninh	21° 28' 47"	105° 18' 45"					F-48-67-B-a
xóm Trại	DC	xã Hạ Giáp	H. Phù Ninh	21° 27' 41"	105° 19' 53"					F-48-67-B-a
thôn Vĩnh	DC	xã Hạ Giáp	H. Phù Ninh	21° 27' 57"	105° 19' 13"					F-48-67-B-a
sông Lô	TV	xã Hạ Giáp	H. Phù Ninh			21° 28' 35"	105° 19' 59"	21° 27' 43"	105° 20' 13"	F-48-67-B-a
làng Lang	DC	xã Lệ Mỹ	H. Phù Ninh	21° 30' 23"	105° 16' 46"					F-48-55-D-c
xóm Lập Lầu	DC	xã Lệ Mỹ	H. Phù Ninh	21° 30' 44"	105° 16' 33"					F-48-55-D-c
xóm Mỏ	DC	xã Lệ Mỹ	H. Phù Ninh	21° 30' 01"	105° 17' 09"					F-48-67-B-a
xóm São	DC	xã Lệ Mỹ	H. Phù Ninh	21° 30' 49"	105° 17' 24"					F-48-55-D-c
thôn Thọ Tràng	DC	xã Lệ Mỹ	H. Phù Ninh	21° 30' 28"	105° 17' 44"					F-48-55-D-c
xóm An Lập	DC	xã Liên Hoa	H. Phù Ninh	21° 30' 22"	105° 16' 19"					F-48-55-D-c
xóm Cẩm Sơn	DC	xã Liên Hoa	H. Phù Ninh	21° 31' 25"	105° 15' 24"					F-48-55-D-c
xóm Chợ Cầu	DC	xã Liên Hoa	H. Phù Ninh	21° 30' 03"	105° 15' 31"					F-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Bùa	DC	xã Liên Hoa	H. Phù Ninh	21° 29' 55"	105° 15' 59"					F-48-67-B-a
xóm Đồng Trò	DC	xã Liên Hoa	H. Phù Ninh	21° 31' 07"	105° 14' 43"					F-48-55-C-d
xóm Phú Lão	DC	xã Liên Hoa	H. Phù Ninh	21° 30' 22"	105° 15' 10"					F-48-55-D-c
xóm Trung Hiếu	DC	xã Liên Hoa	H. Phù Ninh	21° 29' 42"	105° 15' 37"					F-48-67-B-a
thôn An Mỹ	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 26' 12"	105° 17' 13"					F-48-67-B-a
xóm Đá Giống	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 26' 47"	105° 17' 17"					F-48-67-B-a
xóm Dân Chủ	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 26' 23"	105° 16' 54"					F-48-67-B-a
xóm Dọc Dào	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 24' 54"	105° 16' 49"					F-48-67-B-a
xóm Đời Mới	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 25' 42"	105° 17' 48"					F-48-67-B-a
xóm Gò Con	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 25' 06"	105° 17' 13"					F-48-67-B-a
xóm Gò Làng	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 24' 31"	105° 16' 49"					F-48-67-B-a
xóm Hòa Bình	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 27' 03"	105° 17' 37"					F-48-67-B-a
xóm Hóc Ké	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 25' 48"	105° 16' 42"					F-48-67-B-a
xóm Liên Minh	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 26' 15"	105° 17' 40"					F-48-67-B-a
xóm Phú Lộc	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 26' 01"	105° 17' 29"					F-48-67-B-a
xóm Rừng Chùa	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 25' 16"	105° 16' 35"					F-48-67-B-a
xóm Rừng Sặt	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 25' 16"	105° 16' 58"					F-48-67-B-a
thôn Thạch Xương	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 26' 31"	105° 17' 34"					F-48-67-B-a
xóm Trại Quýt	DC	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh	21° 26' 58"	105° 16' 58"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 2	KX	xã Phú Lộc	H. Phù Ninh			21° 26' 39"	105° 16' 47"	21° 25' 06"	105° 17' 47"	F-48-67-B-a
xóm Ban Thái	DC	xã Phú Mỹ	H. Phù Ninh	21° 31' 07"	105° 16' 46"					F-48-55-D-c
làng Bến	DC	xã Phú Mỹ	H. Phù Ninh	21° 32' 26"	105° 16' 21"					F-48-55-D-c
xóm Cây Hồng	DC	xã Phú Mỹ	H. Phù Ninh	21° 31' 04"	105° 16' 17"					F-48-55-D-c
xóm Cây Xung	DC	xã Phú Mỹ	H. Phù Ninh	21° 30' 51"	105° 16' 23"					F-48-55-D-c
xóm Chùa Am	DC	xã Phú Mỹ	H. Phù Ninh	21° 32' 06"	105° 16' 52"					F-48-55-D-c
xóm Dầu	DC	xã Phú Mỹ	H. Phù Ninh	21° 31' 11"	105° 17' 12"					F-48-55-D-c
xóm Gò Chùa	DC	xã Phú Mỹ	H. Phù Ninh	21° 31' 34"	105° 17' 10"					F-48-55-D-c
xóm Làng	DC	xã Phú Mỹ	H. Phù Ninh	21° 32' 00"	105° 17' 28"					F-48-55-D-c
xóm Núi Chui	DC	xã Phú Mỹ	H. Phù Ninh	21° 31' 45"	105° 15' 57"					F-48-55-D-c
xóm Quản Đầu	DC	xã Phú Mỹ	H. Phù Ninh	21° 30' 54"	105° 16' 52"					F-48-55-D-c
xóm Tân Lập	DC	xã Phú Mỹ	H. Phù Ninh	21° 31' 25"	105° 15' 58"					F-48-55-D-c
xóm Bình Khang	DC	xã Phú Nham	H. Phù Ninh	21° 26' 11"	105° 19' 28"					F-48-67-B-a
xóm Cao Bảng	DC	xã Phú Nham	H. Phù Ninh	21° 26' 04"	105° 19' 08"					F-48-67-B-a
xóm Đình	DC	xã Phú Nham	H. Phù Ninh	21° 25' 51"	105° 19' 17"					F-48-67-B-a
xóm Hoàng Dư	DC	xã Phú Nham	H. Phù Ninh	21° 25' 29"	105° 18' 17"					F-48-67-B-a
xóm Hoàng Long	DC	xã Phú Nham	H. Phù Ninh	21° 25' 51"	105° 18' 47"					F-48-67-B-a
xóm Khuân	DC	xã Phú Nham	H. Phù Ninh	21° 25' 25"	105° 19' 25"					F-48-67-B-a
khu 1	DC	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 23' 56"	105° 20' 59"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 2	DC	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 23' 19"	105° 20' 33"					F-48-67-B-a
khu 3	DC	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 23' 00"	105° 20' 18"					F-48-67-B-a
khu 5	DC	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 23' 10"	105° 20' 01"					F-48-67-B-a
khu 6	DC	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 23' 35"	105° 20' 31"					F-48-67-B-a
khu 7	DC	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 23' 45"	105° 20' 17"					F-48-67-B-a
khu 9	DC	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 23' 49"	105° 19' 47"					F-48-67-B-a
khu 11	DC	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 24' 12"	105° 19' 42"					F-48-67-B-a
khu 12	DC	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 24' 23"	105° 20' 01"					F-48-67-B-a
khu 13	DC	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 23' 53"	105° 20' 33"					F-48-67-B-a
khu 14	DC	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 24' 10"	105° 20' 52"					F-48-67-B-a
quốc lộ 2	KX	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh			21° 24' 05"	105° 19' 08"	21° 22' 28"	105° 20' 18"	F-48-67-B-a
đường tỉnh 323C	KX	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh			21° 24' 25"	105° 20' 58"	21° 23' 52"	105° 19' 24"	F-48-67-B-a
Trung tâm Đào tạo Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	KX	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 23' 52"	105° 19' 18"					F-48-67-B-a
KCN Đồng Lạng	KX	xã Phù Ninh	H. Phù Ninh	21° 22' 49"	105° 20' 10"					F-48-67-B-a
xóm Núi	DC	xã Tiên Du	H. Phù Ninh	21° 27' 20"	105° 19' 31"					F-48-67-B-a
xóm Thị	DC	xã Tiên Du	H. Phù Ninh	21° 25' 13"	105° 19' 57"					F-48-67-B-a
xóm Thượng	DC	xã Tiên Du	H. Phù Ninh	21° 26' 20"	105° 20' 14"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trại	DC	xã Tiên Du	H. Phù Ninh	21° 26' 54"	105° 19' 43"					F-48-67-B-a
xóm Trung	DC	xã Tiên Du	H. Phù Ninh	21° 25' 48"	105° 19' 53"					F-48-67-B-a
xóm Cả	DC	xã Tiên Phú	H. Phù Ninh	21° 28' 48"	105° 14' 09"					F-48-67-A-b
xóm Chùa Tà	DC	xã Tiên Phú	H. Phù Ninh	21° 28' 23"	105° 13' 40"					F-48-67-A-b
xóm Đặng	DC	xã Tiên Phú	H. Phù Ninh	21° 28' 15"	105° 14' 07"					F-48-67-A-b
xóm Diềm	DC	xã Tiên Phú	H. Phù Ninh	21° 27' 54"	105° 15' 04"					F-48-67-B-a
xóm Hu	DC	xã Tiên Phú	H. Phù Ninh	21° 28' 19"	105° 14' 36"					F-48-67-A-b
xóm Lồ	DC	xã Tiên Phú	H. Phù Ninh	21° 27' 39"	105° 14' 21"					F-48-67-A-b
xóm Lô Than	DC	xã Tiên Phú	H. Phù Ninh	21° 28' 57"	105° 13' 34"					F-48-67-A-b
xóm Nưa	DC	xã Tiên Phú	H. Phù Ninh	21° 28' 10"	105° 14' 51"					F-48-67-A-b
trại Trai	DC	xã Tiên Phú	H. Phù Ninh	21° 28' 24"	105° 15' 14"					F-48-67-B-a
xóm Vai	DC	xã Tiên Phú	H. Phù Ninh	21° 28' 57"	105° 15' 22"					F-48-67-B-a
quốc lộ 2	KX	xã Tiên Phú	H. Phù Ninh			21° 29' 10"	105° 13' 30"	21° 27' 31"	105° 14' 23"	F-48-67-B-a
xóm Cửa Chùa	DC	xã Trạm Thản	H. Phù Ninh	21° 29' 53"	105° 13' 58"					F-48-67-A-b
xóm Đồng Đằm	DC	xã Trạm Thản	H. Phù Ninh	21° 29' 21"	105° 14' 04"					F-48-67-A-b
xóm Đồng Khuân	DC	xã Trạm Thản	H. Phù Ninh	21° 29' 17"	105° 13' 27"					F-48-67-A-b
thôn Lâm	DC	xã Trạm Thản	H. Phù Ninh	21° 30' 13"	105° 13' 30"					F-48-67-A-b
xóm Làng	DC	xã Trạm Thản	H. Phù Ninh	21° 29' 56"	105° 13' 38"					F-48-67-A-b
xóm Làng Ngoài	DC	xã Trạm Thản	H. Phù Ninh	21° 30' 04"	105° 14' 41"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ngọc	DC	xã Trạm Thản	H. Phù Ninh	21° 30' 06"	105° 13' 34"					F-48-55-C-d
thôn Thản	DC	xã Trạm Thản	H. Phù Ninh	21° 29' 41"	105° 13' 25"					F-48-67-A-b
thôn Tố	DC	xã Trạm Thản	H. Phù Ninh	21° 29' 53"	105° 14' 34"					F-48-67-A-b
xóm Ván	DC	xã Trạm Thản	H. Phù Ninh	21° 30' 13"	105° 13' 35"					F-48-55-C-d
núi Thển	SV	xã Trạm Thản	H. Phù Ninh	21° 29' 38"	105° 12' 48"					F-48-67-A-b
chùa Quang Long	KX	xã Trạm Thản	H. Phù Ninh	21° 29' 39"	105° 13' 18"					F-48-67-A-b
thôn An Lãng	DC	xã Trị Quận	H. Phù Ninh	21° 29' 14"	105° 18' 00"					F-48-67-B-a
xóm Bờ Nưa	DC	xã Trị Quận	H. Phù Ninh	21° 28' 44"	105° 18' 09"					F-48-67-B-a
thôn Ngoại	DC	xã Trị Quận	H. Phù Ninh	21° 29' 29"	105° 19' 01"					F-48-67-B-a
thôn Ninh Viên	DC	xã Trị Quận	H. Phù Ninh	21° 30' 19"	105° 18' 54"					F-48-55-D-c
thôn Phú Thịnh	DC	xã Trị Quận	H. Phù Ninh	21° 29' 27"	105° 18' 32"					F-48-67-B-a
thôn Thạch	DC	xã Trị Quận	H. Phù Ninh	21° 29' 07"	105° 19' 11"					F-48-67-B-a
cầu Cát	KX	xã Trị Quận	H. Phù Ninh	21° 29' 43"	105° 17' 53"					F-48-67-B-a
xóm Cù	DC	xã Trung Giáp	H. Phù Ninh	21° 28' 22"	105° 16' 11"					F-48-67-B-a
xóm Giữa	DC	xã Trung Giáp	H. Phù Ninh	21° 27' 56"	105° 16' 29"					F-48-67-B-a
thôn Khuân Dậu	DC	xã Trung Giáp	H. Phù Ninh	21° 29' 04"	105° 16' 26"					F-48-67-B-a
xóm Mâu	DC	xã Trung Giáp	H. Phù Ninh	21° 27' 49"	105° 15' 51"					F-48-67-B-a
thôn Phù Lưu	DC	xã Trung Giáp	H. Phù Ninh	21° 28' 44"	105° 17' 14"					F-48-67-B-a
xóm Thượng	DC	xã Trung Giáp	H. Phù Ninh	21° 27' 19"	105° 16' 35"					F-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trại Đá	DC	xã Trung Giáp	H. Phù Ninh	21° 27' 11"	105° 16' 35"					F-48-67-B-a
khu 1	DC	xã Tử Đà	H. Phù Ninh	21° 24' 56"	105° 22' 59"					F-48-67-B-b
khu 2	DC	xã Tử Đà	H. Phù Ninh	21° 24' 48"	105° 22' 57"					F-48-67-B-b
khu 3	DC	xã Tử Đà	H. Phù Ninh	21° 24' 45"	105° 23' 30"					F-48-67-B-b
khu 4	DC	xã Tử Đà	H. Phù Ninh	21° 23' 45"	105° 23' 16"					F-48-67-B-b
khu 5	DC	xã Tử Đà	H. Phù Ninh	21° 23' 58"	105° 22' 54"					F-48-67-B-b
khu 6	DC	xã Tử Đà	H. Phù Ninh	21° 23' 44"	105° 22' 24"					F-48-67-B-a
khu 7	DC	xã Tử Đà	H. Phù Ninh	21° 24' 10"	105° 22' 20"					F-48-67-B-a
khu 8	DC	xã Tử Đà	H. Phù Ninh	21° 24' 38"	105° 22' 51"					F-48-67-B-b
khu 9	DC	xã Tử Đà	H. Phù Ninh	21° 24' 28"	105° 23' 07"					F-48-67-B-b
khu 10	DC	xã Tử Đà	H. Phù Ninh	21° 24' 21"	105° 23' 09"					F-48-67-B-b
sông Lô	TV	xã Tử Đà	H. Phù Ninh			21° 25' 13"	105° 23' 36"	21° 23' 10"	105° 23' 21"	F-48-67-B-a
đường tỉnh 323C	KX	xã Tử Đà	H. Phù Ninh			21° 23' 49"	105° 23' 27"	21° 24' 36"	105° 22' 27"	F-48-67-B-b
phà Then	KX	xã Tử Đà	H. Phù Ninh	21° 23' 52"	105° 23' 35"					F-48-67-B-b
xóm Cầu	DC	xã Vĩnh Phú	H. Phù Ninh	21° 23' 15"	105° 22' 46"					F-48-67-B-b
thôn Long Châu	DC	xã Vĩnh Phú	H. Phù Ninh	21° 22' 52"	105° 23' 10"					F-48-67-B-b
xóm Mới	DC	xã Vĩnh Phú	H. Phù Ninh	21° 22' 58"	105° 22' 43"					F-48-67-B-b
xóm Ngoài	DC	xã Vĩnh Phú	H. Phù Ninh	21° 22' 40"	105° 22' 40"					F-48-67-B-b
xóm Trong	DC	xã Vĩnh Phú	H. Phù Ninh	21° 22' 58"	105° 22' 44"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Bắc Giáp	DC	TT. Hưng Hóa	H. Tam Nông	21° 15' 35"	105° 17' 10"					F-48-67-B-c
khu Liên Kết	DC	TT. Hưng Hóa	H. Tam Nông	21° 15' 25"	105° 17' 12"					F-48-67-B-c
khu Tân Tiến	DC	TT. Hưng Hóa	H. Tam Nông	21° 15' 04"	105° 17' 22"					F-48-67-B-c
khu Tiến Thịnh	DC	TT. Hưng Hóa	H. Tam Nông	21° 14' 36"	105° 17' 28"					F-48-67-D-a
cầu Bờ Đìa	KX	TT. Hưng Hóa	H. Tam Nông	21° 14' 26"	105° 17' 07"					F-48-67-D-a
Cổ Tiết Làng	DC	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 18' 27"	105° 14' 32"					F-48-67-A-d
thôn Danh Hựu	DC	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 17' 56"	105° 15' 28"					F-48-67-B-c
thôn Đức Phong	DC	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 17' 12"	105° 14' 39"					F-48-67-B-c
xóm Rừng	DC	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 17' 56"	105° 14' 26"					F-48-67-A-d
khu Tân Thịnh	DC	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 16' 26"	105° 14' 14"					F-48-67-A-d
đầm Đức Phong	TV	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 17' 01"	105° 14' 51"					F-48-67-B-c
đầm Ngoài	TV	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 17' 47"	105° 14' 26"					F-48-67-A-d
đầm Trong	TV	xã Cổ Tiết	H. Tam Nông	21° 18' 09"	105° 14' 27"					F-48-67-A-d
xóm Bình Phúc	DC	xã Dậu Dương	H. Tam Nông	21° 14' 56"	105° 17' 52"					F-48-67-D-a
xóm Chùa Am	DC	xã Dậu Dương	H. Tam Nông	21° 15' 02"	105° 18' 07"					F-48-67-D-a
xóm Dậu Dương	DC	xã Dậu Dương	H. Tam Nông	21° 14' 46"	105° 18' 13"					F-48-67-D-a
xóm Mai Lĩnh	DC	xã Dậu Dương	H. Tam Nông	21° 14' 17"	105° 17' 48"					F-48-67-D-a
ngòi Dậu Dương	TV	xã Dậu Dương	H. Tam Nông			21° 14' 09"	105° 17' 32"	21° 14' 50"	105° 18' 36"	F-48-67-D-a
xóm Bồng Ngang	DC	xã Dị Nậu	H. Tam Nông	21° 14' 47"	105° 15' 44"					F-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đình Chua	DC	xã Dị Nậu	H. Tam Nông	21° 15' 01"	105° 15' 51"					F-48-67-B-c
thôn Trịnh Xuân	DC	xã Dị Nậu	H. Tam Nông	21° 14' 12"	105° 15' 35"					F-48-67-D-a
suối Gò Giang	TV	xã Dị Nậu	H. Tam Nông			21° 13' 58"	105° 14' 35"	21° 15' 13"	105° 15' 17"	F-48-67-C-b
thôn Hiền Bắc	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 22' 52"	105° 14' 07"					F-48-67-A-b
thôn Hiền Đông	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 22' 28"	105° 14' 23"					F-48-67-A-d
thôn Hiền Nam	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 21' 57"	105° 14' 08"					F-48-67-A-d
thôn Hiền Tây	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 22' 24"	105° 14' 06"					F-48-67-A-d
thôn Hiền Trung	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 22' 54"	105° 14' 37"					F-48-67-A-b
xóm Phường	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 23' 30"	105° 14' 09"					F-48-67-A-b
xóm Thượng Long	DC	xã Hiền Quan	H. Tam Nông	21° 22' 45"	105° 13' 50"					F-48-67-A-b
đường tỉnh 315	KX	xã Hiền Quan	H. Tam Nông			21° 23' 41"	105° 14' 03"	21° 22' 16"	105° 14' 55"	F-48-67-A-b
thôn Hồng Hà	DC	xã Hồng Đà	H. Tam Nông	21° 14' 34"	105° 20' 25"					F-48-67-D-a
thôn Sơn Đà	DC	xã Hồng Đà	H. Tam Nông	21° 14' 11"	105° 20' 32"					F-48-67-D-a
sông Đà	TV	xã Hồng Đà	H. Tam Nông			21° 13' 38"	105° 20' 42"	21° 15' 41"	105° 21' 08"	F-48-67-B-c
sông Hồng	TV	xã Hồng Đà	H. Tam Nông			21° 14' 58"	105° 20' 15"	21° 15' 41"	105° 21' 08"	F-48-67-B-c
quốc lộ 32	KX	xã Hồng Đà	H. Tam Nông			21° 14' 26"	105° 20' 03"	21° 14' 08"	105° 20' 53"	F-48-67-D-a
cầu Trung Hà	KX	xã Hồng Đà	H. Tam Nông	21° 14' 08"	105° 20' 53"					F-48-67-D-a
xóm Hùng Quang	DC	xã Hùng Đô	H. Tam Nông	21° 18' 04"	105° 11' 32"					F-48-67-A-d
xóm Hưng Thịnh	DC	xã Hùng Đô	H. Tam Nông	21° 18' 21"	105° 11' 46"					F-48-67-A-d
đầm Đò	TV	xã Hùng Đô	H. Tam Nông	21° 18' 12"	105° 12' 00"					F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cây Châm	DC	xã Hương Nha	H. Tam Nông	21° 21' 29"	105° 14' 01"					F-48-67-A-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Hương Nha	H. Tam Nông	21° 21' 37"	105° 13' 42"					F-48-67-A-d
thôn Hòa Bình	DC	xã Hương Nha	H. Tam Nông	21° 21' 09"	105° 13' 08"					F-48-67-A-d
thôn Minh Đức	DC	xã Hương Nha	H. Tam Nông	21° 21' 29"	105° 13' 08"					F-48-67-A-d
thôn Quyết Tiến	DC	xã Hương Nha	H. Tam Nông	21° 21' 55"	105° 13' 12"					F-48-67-A-d
thôn Tân Hương	DC	xã Hương Nha	H. Tam Nông	21° 21' 17"	105° 13' 34"					F-48-67-A-d
thôn Bảo Vệ Hạ	DC	xã Hương Nộn	H. Tam Nông	21° 15' 29"	105° 16' 42"					F-48-67-B-c
thôn Hạ Nậu	DC	xã Hương Nộn	H. Tam Nông	21° 15' 54"	105° 16' 14"					F-48-67-B-c
thôn Hương Nộn	DC	xã Hương Nộn	H. Tam Nông	21° 16' 35"	105° 15' 18"					F-48-67-B-c
thôn Hữu Hà	DC	xã Hương Nộn	H. Tam Nông	21° 15' 59"	105° 15' 13"					F-48-67-B-c
thôn Kinh Châu	DC	xã Hương Nộn	H. Tam Nông	21° 15' 47"	105° 16' 50"					F-48-67-B-c
sông Hồng	TV	xã Hương Nộn	H. Tam Nông			21° 17' 07"	105° 15' 28"	105° 16' 55"	105° 17' 21"	F-48-67-B-c
thôn Đô Lương	DC	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 18' 05"	105° 12' 08"					F-48-67-A-d
thôn Hùng Vương	DC	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 18' 06"	105° 12' 46"					F-48-67-A-d
thôn Phương Quan	DC	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 17' 20"	105° 13' 05"					F-48-67-A-d
thôn Quang Trung	DC	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 18' 25"	105° 12' 29"					F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Lập	DC	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 17' 53"	105° 12' 42"					F-48-67-A-d
thôn Thái Nguyên	DC	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 17' 56"	105° 12' 25"					F-48-67-A-d
đập Đá Khách	KX	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 17' 27"	105° 12' 21"					F-48-67-A-d
đập Dăm Cùng	KX	xã Phương Thịnh	H. Tam Nông	21° 16' 42"	105° 12' 25"					F-48-67-A-d
khu Ma Vy	DC	xã Quang Húc	H. Tam Nông	21° 17' 19"	105° 12' 10"					F-48-67-A-d
xóm Tân Dân	DC	xã Quang Húc	H. Tam Nông	21° 17' 26"	105° 10' 49"					F-48-67-A-d
xóm Tân Tiến	DC	xã Quang Húc	H. Tam Nông	21° 17' 40"	105° 11' 56"					F-48-67-A-d
xóm Thống Nhất	DC	xã Quang Húc	H. Tam Nông	21° 17' 02"	105° 10' 43"					F-48-67-A-d
xóm Tiền Phong	DC	xã Quang Húc	H. Tam Nông	21° 17' 38"	105° 11' 34"					F-48-67-A-d
sông Bứa	TV	xã Quang Húc	H. Tam Nông			21° 16' 24"	105° 11' 45"	21° 18' 01"	105° 11' 25"	F-48-67-A-d
hồ Đồng Hạ	TV	xã Quang Húc	H. Tam Nông	21° 17' 26"	105° 10' 28"					F-48-67-A-d
thôn Phú Cường	DC	xã Tam Cường	H. Tam Nông	21° 19' 52"	105° 15' 59"					F-48-67-B-c
thôn Phụ Cường	DC	xã Tam Cường	H. Tam Nông	21° 19' 16"	105° 15' 59"					F-48-67-B-c
thôn Tự Cường	DC	xã Tam Cường	H. Tam Nông	21° 18' 54"	105° 15' 42"					F-48-67-B-c
đường tỉnh 315	KX	xã Tam Cường	H. Tam Nông			21° 19' 59"	105° 15' 55"	21° 18' 19"	105° 15' 40"	F-48-67-B-c
cầu Tự Cường	KX	xã Tam Cường	H. Tam Nông	21° 18' 39"	105° 15' 51"					F-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Âm	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 15' 50"	105° 10' 21"					F-48-67-A-d
xóm Giáng	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 15' 33"	105° 10' 28"					F-48-67-A-d
xóm Gò Đền	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 16' 34"	105° 10' 53"					F-48-67-A-d
xóm Hố Bom	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 15' 10"	105° 11' 45"					F-48-67-A-d
thôn Hùng Quang	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 16' 18"	105° 11' 16"					F-48-67-A-d
xóm Minh Hương	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 16' 01"	105° 10' 51"					F-48-67-A-d
thôn Tân Thành	DC	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 15' 51"	105° 11' 58"					F-48-67-A-d
dãy Thòng Lọng	SV	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 15' 34"	105° 09' 06"					F-48-67-A-d
hồ Cửa Rừng	TV	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 16' 13"	105° 10' 08"					F-48-67-A-d
suối Lánh	TV	xã Tề Lễ	H. Tam Nông			21° 15' 10"	105° 10' 27"	21° 15' 48"	105° 10' 53"	F-48-67-A-d
đồng Sái	TV	xã Tề Lễ	H. Tam Nông	21° 15' 45"	105° 11' 36"					F-48-67-A-d
thôn Gia Áo	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 21' 49"	105° 14' 39"					F-48-67-A-d
thôn Hưng Đạo	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 34"	105° 15' 32"					F-48-67-B-c
thôn Minh Đức	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 21' 24"	105° 15' 03"					F-48-67-B-c
thôn Minh Khai	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 36"	105° 15' 01"					F-48-67-B-c
thôn Quang Trung	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 19"	105° 15' 52"					F-48-67-B-c
thôn Thái Nguyên	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 23"	105° 15' 16"					F-48-67-B-c
thôn Thường Kiệt	DC	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 59"	105° 15' 07"					F-48-67-B-c
núi Mủi	SV	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 45"	105° 14' 39"					F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đầm Nam	TV	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông	21° 20' 06"	105° 15' 05"					F-48-67-A-d
đường tỉnh 315	KX	xã Thanh Uyên	H. Tam Nông			21° 22' 16"	105° 14' 55"	21° 19' 58"	105° 15' 52"	F-48-67-B-c
thôn Trại Trâu	DC	xã Thọ Văn	H. Tam Nông	21° 16' 42"	105° 13' 17"					F-48-67-A-d
khu Văn Lương 2	DC	xã Thọ Văn	H. Tam Nông	21° 15' 48"	105° 13' 00"					F-48-67-A-d
đầm Thọ Sơn	TV	xã Thọ Văn	H. Tam Nông	21° 15' 36	105° 14' 50"					F-48-67-B-c
khu Chương Dương	DC	xã Thượng Nông	H. Tam Nông	21° 14' 09"	105° 18' 22"					F-48-67-D-a
khu Liên Hoa	DC	xã Thượng Nông	H. Tam Nông	21° 13' 51"	105° 19' 04"					F-48-67-D-a
khu Thắng Lợi	DC	xã Thượng Nông	H. Tam Nông	21° 13' 58"	105° 18' 23"					F-48-67-D-a
khu Thanh Bông	DC	xã Thượng Nông	H. Tam Nông	21° 14' 27"	105° 18' 41"					F-48-67-D-a
khu Trung Cộng	DC	xã Thượng Nông	H. Tam Nông	21° 14' 18"	105° 18' 56"					F-48-67-D-a
sông Hồng	TV	xã Thượng Nông	H. Tam Nông			21° 14' 59"	105° 18' 42"	21° 14' 58"	105° 20' 16"	
khu 1	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 43"	105° 12' 57"					F-48-67-A-d
khu 2	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 36"	105° 12' 56"					F-48-67-A-d
khu 3	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 31"	105° 13' 07"					F-48-67-A-d
khu 4	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 21"	105° 13' 05"					F-48-67-A-d
khu 5	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 25"	105° 13' 17"					F-48-67-A-d
khu 6	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 10"	105° 13' 31"					F-48-67-A-d
khu 7	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 18' 57"	105° 13' 28"					F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 8	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 18' 41"	105° 13' 33"					F-48-67-A-d
khu 9	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 08"	105° 13' 10"					F-48-67-A-d
khu 10	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 18' 30"	105° 13' 07"					F-48-67-A-d
khu 11	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 18' 22"	105° 13' 00"					F-48-67-A-d
thôn Vệ Đô	DC	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 05"	105° 12' 00"					F-48-67-A-d
cầu Châu	KX	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 19' 16"	105° 12' 44"					F-48-67-A-d
cầu Dát	KX	xã Tứ Mỹ	H. Tam Nông	21° 18' 47"	105° 13' 43"					F-48-67-A-d
xóm Gò Điểu	DC	xã Văn Lương	H. Tam Nông	21° 19' 42"	105° 15' 15"					F-48-67-B-c
xóm Liên Giang	DC	xã Văn Lương	H. Tam Nông	21° 18' 49"	105° 14' 54"					F-48-67-A-d
xóm Phú Điểu	DC	xã Văn Lương	H. Tam Nông	21° 19' 12"	105° 15' 01"					F-48-67-B-c
xóm Trại	DC	xã Văn Lương	H. Tam Nông	21° 18' 26"	105° 15' 10"					F-48-67-B-c
thôn Gia Dụ	DC	xã Vực Trường	H. Tam Nông	21° 23' 32"	105° 13' 33"					F-48-67-A-b
thôn Thu Trường	DC	xã Vực Trường	H. Tam Nông	21° 23' 02"	105° 13' 12"					F-48-67-A-b
thôn Vực Trường	DC	xã Vực Trường	H. Tam Nông	21° 22' 19"	105° 13' 07"					F-48-67-A-d
sông Hồng	TV	xã Vực Trường	H. Tam Nông			21° 21' 56"	105° 12' 46"	21° 23' 47"	105° 14' 13"	
phà Ngọc Tháp	KX	xã Vực Trường	H. Tam Nông	21° 23' 47"	105° 14' 06"					
xóm Đồng Xuân	DC	xã Xuân Quang	H. Tam Nông	21° 20' 03"	105° 13' 49"					F-48-67-A-d
thôn Hồng Thao	DC	xã Xuân Quang	H. Tam Nông	21° 19' 59"	105° 12' 55"					F-48-67-A-d
xóm Nội Quang	DC	xã Xuân Quang	H. Tam Nông	21° 20' 17"	105° 14' 12"					F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tân Tiến	DC	xã Xuân Quang	H. Tam Nông	21° 20' 42"	105° 13' 14"					F-48-67-A-d
thôn Xuân Quang	DC	xã Xuân Quang	H. Tam Nông	21° 20' 18"	105° 13' 28"					F-48-67-A-d
khu Bến Thân	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 11' 20"	104° 52' 17"					F-48-66-D-a
khu Măng 1	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 31"	104° 52' 16"					F-48-66-D-a
khu Măng 2	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 40"	104° 51' 40"					F-48-66-D-a
khu Mít 1	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 37"	104° 53' 08"					F-48-66-D-b
khu Mít 2	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 38"	104° 52' 39"					F-48-66-D-b
khu Xóm Mới	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 14' 34"	104° 53' 04"					F-48-66-D-b
khu Xuân 1	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 40"	104° 53' 05"					F-48-66-D-b
khu Xuân 2	DC	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 04"	104° 53' 18"					F-48-66-D-b
suối Mang	TV	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn			21° 13' 16"	104° 51' 13"	21° 13' 49"	104° 53' 46"	F-48-66-D-b
suối Thân	TV	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn			21° 11' 17"	104° 52' 28"	21° 13' 49"	104° 53' 45"	F-48-66-D-b
suối Thúc	TV	xã Đồng Sơn	H. Tân Sơn			21° 14' 07"	104° 50' 54"	21° 14' 38"	104° 53' 40"	F-48-66-D-b
khu Chiềng 1	DC	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 49"	104° 56' 07"					F-48-66-D-b
khu Dọc 1	DC	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 00"	104° 56' 07"					F-48-66-D-b
khu Đồng Than 2	DC	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 15' 04"	104° 56' 28"					F-48-66-B-d
khu Liệm	DC	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 20"	104° 54' 52"					F-48-66-D-b
khu Vèo	DC	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 15' 10"	104° 56' 07"					F-48-66-B-d
đồi Đồng Rậm	SV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 42"	104° 56' 54"					F-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Mý Á	SV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 14' 37"	104° 56' 09"					F-48-66-D-b
đồi Vây	SV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 13' 07"	104° 56' 35"					F-48-66-D-b
sông Bứa	TV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn			104° 55' 56"	21° 13' 48"	21° 13' 37"	104° 57' 50"	F-48-66-D-b
suối Dọc	TV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn			104° 54' 34"	21° 12' 00"	21° 13' 15"	104° 56' 04"	F-48-66-D-b
suối Liệm	TV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn			104° 56' 25"	21° 12' 55"	21° 14' 04"	104° 56' 21"	F-48-66-D-b
suối Sận	TV	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn			104° 56' 57"	21° 13' 00"	21° 13' 45"	104° 57' 25"	F-48-66-D-b
Công ty Lâm nghiệp Tam Sơn	KX	xã Kiệt Sơn	H. Tân Sơn	21° 14' 49"	104° 56' 41"					F-48-66-D-b
khu Soan	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 05' 04"	104° 57' 33"					F-48-66-D-d
khu Chiềng	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 06' 42"	104° 59' 55"					F-48-66-D-d
khu Hạ Bằng	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 04' 32"	104° 59' 09"					F-48-66-D-d
khu Quyền	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 06' 04"	105° 00' 23"					F-48-67-C-c
khu Tân Hồi	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 02' 30"	105° 01' 36"					F-48-67-C-c
khu Tân Lập	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 05' 21"	105° 01' 16"					F-48-67-C-c
khu Tân Ong	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 04' 43"	104° 57' 26"					F-48-66-D-d
khu Xuân	DC	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 06' 23"	105° 00' 04"					F-48-67-C-c
dãy Đồi Cả	SV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 02' 46"	105° 02' 12"					F-48-67-C-c
núi Đồi Sinh	SV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn	21° 05' 08"	104° 59' 50"					F-48-66-D-d
suối Chiềng	TV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn			21° 06' 16"	104° 59' 08"	21° 06' 59"	105° 00' 17"	F-48-66-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Ho	TV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn			21° 04' 34"	105° 01' 57"	21° 04' 56"	105° 00' 46"	F-48-67-C-c
suối Râm	TV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn			21° 04' 05"	104° 59' 34"	21° 06' 16"	104° 59' 08"	F-48-66-D-d
suối Vuồng	TV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn			21° 03' 26"	105° 00' 07"	21° 05' 29"	104° 59' 01"	F-48-66-D-d
suối Xuân	TV	xã Kim Thượng	H. Tân Sơn			21° 01' 21"	105° 02' 03"	21° 06' 57"	105° 00' 17"	F-48-67-C-c
khu Chiềng 1	DC	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 13' 15"	104° 55' 42"					F-48-66-D-b
khu Đoàn	DC	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 13' 02"	104° 55' 07"					F-48-66-D-b
khu Đồng	DC	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 14' 25"	104° 55' 24"					F-48-66-D-b
khu Kết	DC	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 12' 48"	104° 54' 34"					F-48-66-D-b
khu Phắt 1	DC	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 13' 58"	104° 54' 31"					F-48-66-D-b
khu Vường 1	DC	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 13' 47"	104° 55' 00"					F-48-66-D-b
đồi Bặn	SV	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 15' 02"	104° 55' 29"					F-48-66-B-d
núi Dẻ	SV	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 14' 37"	104° 54' 48"					F-48-66-D-b
đồi Tháng	SV	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn	21° 13' 57"	104° 54' 01"					F-48-66-D-b
sông Bứa	TV	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn			21° 13' 49"	104° 53' 46"	21° 13' 48	104° 55' 56"	F-48-66-D-b
ngòi Kết	TV	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn			21° 12' 29"	104° 54' 05"	21° 13' 29	104° 55' 08"	F-48-66-D-b
suối Thân	TV	xã Lai Đồng	H. Tân Sơn			21° 15' 15"	104° 54' 37"	21° 13' 48	104° 55' 56"	F-48-66-D-b
khu Bông 1	DC	xã Long Cốc	H. Tân Sơn	21° 07' 57"	105° 04' 26"					F-48-67-C-a
khu Bông 2	DC	xã Long Cốc	H. Tân Sơn	21° 07' 37"	105° 04' 27"					F-48-67-C-a
khu Cạn	DC	xã Long Cốc	H. Tân Sơn	21° 06' 15"	105° 04' 05"					F-48-67-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Măng 1	DC	xã Long Cốc	H. Tân Sơn	21° 07' 25"	105° 04' 35"					F-48-67-C-c
khu Măng 2	DC	xã Long Cốc	H. Tân Sơn	21° 07' 04"	105° 05' 06"					F-48-67-C-c
khu Nhội	DC	xã Long Cốc	H. Tân Sơn	21° 06' 04"	105° 03' 56"					F-48-67-C-c
khu Bến Đáng	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 30"	105° 03' 37"					F-48-67-C-a
khu Đồng Phú	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 07"	105° 03' 52"					F-48-67-C-a
khu Đồng Tâm	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 07"	105° 03' 30"					F-48-67-C-a
khu Minh Tâm	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 24"	105° 03' 09"					F-48-67-C-a
khu Minh Thanh	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 21"	105° 03' 25"					F-48-67-C-a
khu Tân Lập	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 33"	105° 02' 07"					F-48-67-C-a
khu Tân Thư	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 09"	105° 01' 31"					F-48-67-C-a
khu Tân Trào	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 48"	105° 01' 42"					F-48-67-C-a
khu Vinh Quang	DC	xã Minh Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 30"	105° 04' 07"					F-48-67-C-a
sông Bứa	TV	xã Minh Đài	H. Tân Sơn			21° 10' 51"	105° 03' 40"	21° 10' 18"	105° 03' 42"	F-48-67-C-a
khu Bình	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 34"	105° 04' 41"					F-48-67-C-a
khu Chiềng	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 13' 12"	105° 02' 52"					F-48-67-C-a
khu Chóc	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 06"	105° 03' 11"					F-48-67-C-a
khu Chung	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 50"	105° 03' 34"					F-48-67-C-a
khu Cú	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 36"	105° 05' 45"					F-48-67-C-a
khu Đường 1	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 33"	105° 04' 00"					F-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Đường 2	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 27"	105° 03' 38"					F-48-67-C-a
khu Hồng Kiên	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 30"	105° 02' 08"					F-48-67-C-a
khu Hưng Phong	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 49"	105° 01' 23"					F-48-67-C-a
khu Lực	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 30"	105° 02' 36"					F-48-67-C-a
khu Mịn 1	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 47"	105° 02' 17"					F-48-67-C-a
khu Mịn 2	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 22"	105° 01' 51"					F-48-67-C-a
khu Mới	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 42"	105° 02' 17"					F-48-67-C-a
khu Mu Vố	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 42"	105° 03' 23"					F-48-67-C-a
khu Thuận	DC	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 06"	105° 02' 35"					F-48-67-C-a
núi Hồng	SV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 13' 20"	105° 04' 03"					F-48-67-C-a
đèo Min	SV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 39"	105° 02' 17"					F-48-67-C-a
đồi Vay	SV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 13' 34"	105° 05' 24"					F-48-67-C-a
sông Bứa	TV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn			21° 11' 51"	105° 04' 13"	21° 10' 52"	105° 05' 23"	F-48-67-C-a
suối Chiềng	TV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn			21° 11' 50"	105° 01' 09"	21° 10' 47"	105° 03' 00"	F-48-67-C-a
sông Dày	TV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn			21° 13' 27"	105° 03' 25"	21° 12' 31"	105° 02' 45"	F-48-67-C-a
ngòi Sài	TV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn			21° 12' 45"	105° 03' 01"	21° 10' 51"	105° 03' 40"	F-48-67-C-a
suối Tấm	TV	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn			21° 10' 48"	105° 02' 21"	21° 10' 47"	105° 03' 00"	F-48-67-C-a
cầu Min	KX	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 55"	105° 02' 46"					F-48-67-C-a
cầu Mỹ Thuận 1	KX	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 11' 09"	105° 05' 01"					F-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Mỹ Thuận 2	KX	xã Mỹ Thuận	H. Tân Sơn	21° 12' 59"	105° 03' 11"					F-48-67-C-a
thôn Chiêu	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 04' 59"	105° 06' 22"					F-48-67-C-c
thôn Én	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 06' 22"	105° 05' 32"					F-48-67-C-c
thôn Giát	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 05' 46"	105° 05' 53"					F-48-67-C-c
thôn Múc	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 06' 05"	105° 06' 18"					F-48-67-C-c
thôn Tảng	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 04' 00"	105° 06' 36"					F-48-67-C-c
thôn Vai	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 06' 15"	105° 04' 44"					F-48-67-C-c
thôn Vảo	DC	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 05' 17"	105° 05' 58"					F-48-67-C-c
đồi Nộn Cương	SV	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 06' 22"	105° 05' 56"					F-48-67-C-c
đồi Vớn	SV	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn	21° 05' 19"	105° 06' 34"					F-48-67-C-c
suối Giát	TV	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn			21° 05' 13"	105° 05' 39"	21° 06' 27"	105° 06' 08"	F-48-67-C-c
suối Vai	TV	xã Tam Thanh	H. Tân Sơn			21° 06' 29"	105° 04' 26"	21° 05' 50"	105° 05' 48"	F-48-67-C-c
khu 1	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 13' 46"	104° 59' 42"					F-48-66-D-b
khu 5	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 12' 27"	105° 00' 55"					F-48-67-C-a
khu 7	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 12' 01"	105° 00' 55"					F-48-67-C-a
khu 9	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 13' 11"	105° 00' 50"					F-48-67-C-a
khu 2A	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 13' 17"	105° 00' 16"					F-48-67-C-a
khu Sặc Ngoài	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 12' 41"	105° 00' 22"					F-48-67-C-a
khu Sặc Trong	DC	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 12' 36"	104° 59' 54"					F-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tải Hủi	SV	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 12' 56"	104° 58' 41"					F-48-66-D-b
sông Bứa	TV	xã Tân Phú	H. Tân Sơn			21° 11' 50	105° 01' 09"	21° 13' 04"	104° 59' 10"	F-48-67-C-a
suối Ngày	TV	xã Tân Phú	H. Tân Sơn			21° 12' 00"	104° 58' 55"	21° 12' 34"	104° 59' 27"	F-48-66-D-b
cầu Tân Phú	KX	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 13' 07"	105° 00' 19"					F-48-67-C-a
cầu Voi	KX	xã Tân Phú	H. Tân Sơn	21° 13' 27"	105° 00' 05"					F-48-67-C-a
khu Hòa	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 37"	104° 57' 13"					F-48-66-D-b
khu Hoạt	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 11' 39"	104° 55' 43"					F-48-66-D-b
khu Lèn	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 11' 51"	104° 57' 06"					F-48-66-D-b
khu Sận	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 27"	104° 57' 09"					F-48-66-D-b
khu Thính	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 19"	104° 56' 02"					F-48-66-D-b
khu Thừ 1	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 18"	104° 56' 47"					F-48-66-D-b
khu Thừ 2	DC	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 12' 13"	104° 56' 20"					F-48-66-D-b
đồi Bọ Chó	SV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 10' 39"	104° 56' 39"					F-48-66-D-b
đồi Theo	SV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn	21° 11' 32"	104° 55' 15"					F-48-66-D-b
suối Bớt	TV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn			21° 11' 23"	104° 54' 08"	21° 12' 33"	104° 56' 15"	F-48-66-D-b
suối Dè	TV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn			21° 10' 55"	104° 55' 51"	21° 11' 21"	104° 55' 47"	F-48-66-D-b
suối Lèn	TV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn			21° 11' 17	104° 56' 54"	21° 12' 24"	104° 56' 25"	F-48-66-D-b
suối Thứ	TV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn			21° 11' 06"	104° 54' 56"	21° 12' 04"	104° 56' 02"	F-48-66-D-b
suối Trong Vung	TV	xã Tân Sơn	H. Tân Sơn			21° 10' 54	104° 56' 28"	21° 11' 28"	104° 56' 09"	F-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Bình Thọ 1	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 41"	104° 57' 25"					F-48-66-D-b
khu Bình Thọ 2	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 22"	104° 57' 41"					F-48-66-D-b
khu Chiềng	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 09"	104° 58' 06"					F-48-66-D-b
khu Cường Thịnh 1	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 28"	104° 58' 23"					F-48-66-D-b
khu Cường Thịnh 2	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 10"	104° 58' 37"					F-48-66-D-b
khu Dặt	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 13' 49"	104° 58' 43"					F-48-66-D-b
khu Dùng 1	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 56"	104° 58' 01"					F-48-66-D-b
khu Dùng 2	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 14' 55"	104° 58' 20"					F-48-66-D-b
khu Dụt Dàn	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 15' 19"	104° 59' 15"					F-48-66-B-d
khu Lóng 1	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 17' 31"	104° 56' 47"					F-48-66-B-d
khu Lóng 2	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 16' 59"	104° 57' 51"					F-48-66-B-d
khu Minh Nga	DC	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 15' 48"	104° 58' 57"					F-48-66-B-d
núi Đá Trắng	SV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 15' 49"	105° 00' 00"					F-48-66-B-d
núi Gian	SV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 16' 04"	104° 59' 42"					F-48-66-B-d
núi Ngay	SV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 18' 15"	104° 56' 41"					F-48-66-B-d
núi Trò Trống	SV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn	21° 16' 18"	104° 57' 51"					F-48-66-B-d
sông Bứa	TV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn			21° 17' 15"	104° 57' 22"	21° 14' 59	104° 57' 02"	F-48-66-D-b
suối Dùng	TV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn			21° 16' 42"	105° 00' 18"	21° 15' 13	104° 58' 48"	F-48-66-B-d
suối Giùng	TV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn			21° 13' 38"	104° 57' 50"	21° 13' 04"	104° 59' 10"	F-48-66-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Thánh	TV	xã Thạch Kiệt	H. Tân Sơn			21° 14' 59"	104° 57' 02"	21° 14' 17"	104° 58' 05"	F-48-66-D-b
khu Bặn	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 15' 47"	104° 55' 03"					F-48-66-B-d
khu Chiềng 1	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 32"	104° 54' 11"					F-48-66-B-d
khu Cón	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 43"	104° 52' 52"					F-48-66-B-d
khu Đồng Lươn	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 15' 51"	104° 55' 49"					F-48-66-B-d
khu Giác 1	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 48"	104° 54' 33"					F-48-66-B-d
khu Liên Chung	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 20' 44"	104° 51' 57"					F-48-66-B-c
khu Mỹ Á	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 19' 47"	104° 50' 29"					F-48-66-B-c
khu Ngả Hai	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 01"	104° 50' 40"					F-48-66-B-c
khu Quẽ	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 48"	104° 52' 31"					F-48-66-B-d
khu Ú	DC	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 15' 54"	104° 53' 53"					F-48-66-B-d
đồi Bặn	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 15' 09"	104° 55' 15"					F-48-66-B-d
núi Bụa	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 09"	104° 53' 12"					F-48-66-B-d
đèo Cón	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 19"	104° 51' 19"					F-48-66-B-c
núi Đá Vẽ	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 58"	104° 53' 23"					F-48-66-B-d
núi Đầu Voi	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 20' 14"	104° 54' 07"					F-48-66-B-d
đồi Dọc	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 33"	104° 50' 29"					F-48-66-B-c
núi Giác	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 43"	104° 55' 38"					F-48-66-B-d
núi Hang	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 17"	104° 52' 37"					F-48-66-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hang Hiêm	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 43"	104° 54' 17"					F-48-66-B-d
đèo Khế	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 21' 56"	104° 51' 19"					F-48-66-B-c
đồi Ông	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 15' 22"	104° 53' 59"					F-48-66-B-d
núi Thiềng	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 21' 12"	104° 50' 42"					F-48-66-B-c
núi Thượng	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 18' 12"	104° 53' 19"					F-48-66-B-d
núi Tô	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 39"	104° 56' 18"					F-48-66-B-d
đồi Ú	SV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 02"	104° 53' 20"					F-48-66-B-d
suối Bông	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 21' 47"	104° 51' 22"	21° 20' 23"	104° 52' 08"	F-48-66-B-d
sông Bứa	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 19' 48"	104° 49' 29"	21° 20' 23"	104° 52' 08"	F-48-66-B-d
suối Cúc	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 17' 26"	104° 50' 24"	21° 16' 27"	104° 52' 04"	F-48-66-B-d
suối Dáy	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 16' 27"	104° 52' 04"	21° 16' 06"	104° 54' 08"	F-48-66-B-c
suối Khay	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 20' 23"	104° 52' 08"	21° 16' 06"	104° 54' 08"	F-48-66-B-c
sông Lèo	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 18' 17"	104° 50' 51"	21° 16' 39"	104° 53' 56"	F-48-66-B-c
suối Mưa	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 18' 36"	104° 52' 04"	21° 16' 53"	104° 52' 59"	F-48-66-B-c
suối Quế	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 17' 03"	104° 55' 10"	21° 17' 32"	104° 54' 27"	F-48-66-B-d
suối Sung	TV	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn			21° 16' 06"	104° 54' 08"	21° 15' 15"	104° 54' 37"	F-48-66-B-c
cầu Chiềng 1	KX	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 03"	104° 54' 09"					F-48-66-B-d
cầu Giác	KX	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 15' 56"	104° 54' 57"					F-48-66-B-d
cầu Ngả Hai	KX	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 17' 11"	104° 50' 36"					F-48-66-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Sông Cúc	KX	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 16' 27"	104° 53' 52"					F-48-66-B-d
cầu Xóm Mỏ	KX	xã Thu Cúc	H. Tân Sơn	21° 19' 05"	104° 53' 29"					F-48-66-B-d
khu Cọ Sơn 1	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 15' 13"	105° 00' 56"					F-48-67-A-c
khu Côm	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 14' 39"	105° 02' 09"					F-48-67-C-a
khu Còn 1	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 15' 32"	105° 01' 57"					F-48-67-A-c
khu Còn 2	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 15' 17"	105° 01' 54"					F-48-67-A-c
khu Đèo Mương 1	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 16' 05"	105° 03' 29"					F-48-67-A-c
khu Liên Minh	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 14' 01"	105° 03' 46"					F-48-67-C-a
khu Mang Hạ	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 13' 41"	105° 02' 52"					F-48-67-C-a
khu Sài	DC	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 14' 35"	105° 04' 18"					F-48-67-C-a
núi Ba Chi	SV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 16' 51"	105° 00' 52"					F-48-67-A-c
đèo Bảng Giác	SV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 15' 29"	105° 03' 14"					F-48-67-A-c
núi Cút	SV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 14' 04"	105° 00' 53"					F-48-67-C-a
đồi Mương	SV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn	21° 15' 56"	105° 02' 43"					F-48-67-A-c
suối Cọ Sơn	TV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn			21° 16' 17"	105° 01' 25"	21° 14' 20"	105° 01' 51"	F-48-67-A-c
suối Côm	TV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn			21° 15' 46"	105° 00' 27"	21° 14' 18"	105° 01' 09"	F-48-67-A-c
ngòi Mịn	TV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn			21° 14' 06"	105° 00' 46"	21° 14' 20"	105° 01' 51"	F-48-67-C-a
suối Sài	TV	xã Thu Ngạc	H. Tân Sơn			21° 16' 48"	105° 02' 01"	21° 13' 27"	105° 03' 25"	F-48-67-C-a
Bà Mơn	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 10' 31"	105° 06' 11"					F-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Bến Gạo	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 28"	105° 05' 04"					F-48-67-C-a
khu Chàng	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 27"	105° 06' 03"					F-48-67-C-a
khu Đép	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 51"	105° 04' 52"					F-48-67-C-a
khu Đồng Bông	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 08' 37"	105° 03' 58"					F-48-67-C-a
khu Đồng Hẹ	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 05"	105° 06' 18"					F-48-67-C-a
Đồng Mí	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 48"	105° 06' 05"					F-48-67-C-a
khu Đồng Tún	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 11"	105° 03' 27"					F-48-67-C-a
khu Hoàng Hà	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 10' 56"	105° 06' 19"					F-48-67-C-a
khu Hoàng Văn	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 08' 32"	105° 06' 24"					F-48-67-C-a
khu Láng	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 08' 48"	105° 04' 48"					F-48-67-C-a
khu Lối	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 08' 29"	105° 05' 57"					F-48-67-C-a
khu Lũng	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 10' 26"	105° 05' 49"					F-48-67-C-a
khu Luông	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 02"	105° 04' 29"					F-48-67-C-a
khu Mành	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 22"	105° 04' 15"					F-48-67-C-a
làng Tháp	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 10' 38"	105° 05' 04"					F-48-67-C-a
khu Văn Tân	DC	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 23"	105° 05' 21"					F-48-67-C-a
núi Chày	SV	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 09' 28"	105° 06' 41"					F-48-67-C-a
núi Thiếp	SV	xã Văn Luông	H. Tân Sơn	21° 10' 34"	105° 04' 44"					F-48-67-C-a
suối Bông	TV	xã Văn Luông	H. Tân Sơn			21° 08' 06"	105° 04' 17"	21° 09' 25"	105° 04' 34"	F-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bứa	TV	xã Văn Luông	H. Tân Sơn			21° 10' 03"	105° 04' 38"	21° 10' 46"	105° 06' 45"	F-48-67-C-a
đường tỉnh 322C	KX	xã Văn Luông	H. Tân Sơn			21° 09' 55"	105° 03' 49"	21° 08' 10"	105° 05' 24"	F-48-67-C-a
khu Bương	DC	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn	21° 03' 22"	105° 03' 38"					F-48-67-C-c
khu Đồng Giang	DC	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn	21° 04' 26"	105° 04' 06"					F-48-67-C-c
khu Đồng Khoai	DC	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn	21° 02' 44"	105° 03' 11"					F-48-67-C-c
khu Đồng Thi	DC	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn	21° 03' 29"	105° 03' 07"					F-48-67-C-c
khu Khang Lèn	DC	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn	21° 04' 35"	105° 04' 46"					F-48-67-C-c
khu Mận Gạo	DC	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn	21° 03' 45"	105° 03' 17"					F-48-67-C-c
khu Sặt	DC	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn	21° 05' 00"	105° 05' 22"					F-48-67-C-c
đồi Măng Giang	SV	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn	21° 05' 43"	105° 04' 02"					F-48-67-C-c
đồi Suối Lê	SV	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn	21° 05' 26"	105° 02' 34"					F-48-67-C-c
suối Bò	TV	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn			21° 03' 41"	105° 04' 57"	21° 04' 28"	105° 04' 44"	F-48-67-C-c
suối Cham	TV	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn			21° 03' 54"	105° 05' 19"	21° 05' 13"	105° 05' 39"	F-48-67-C-c
suối Đục	TV	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn			21° 04' 47"	105° 03' 44"	21° 04' 13"	105° 04' 03"	F-48-67-C-c
suối Giát	TV	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn			21° 03' 34"	105° 03' 08"	21° 05' 13"	105° 05' 39"	F-48-67-C-c
suối Lê	TV	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn			21° 05' 04"	105° 02' 34"	21° 04' 01"	105° 03' 33"	F-48-67-C-c
suối Liệm	TV	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn			21° 03' 30"	105° 04' 30"	21° 04' 21"	105° 04' 16"	F-48-67-C-c
suối Liệp	TV	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn			21° 03' 07"	105° 03' 07"	21° 03' 34"	105° 03' 08"	F-48-67-C-c
suối Mủ	TV	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn			21° 05' 31"	105° 04' 14"	21° 05' 02"	105° 04' 52"	F-48-67-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Sặt	TV	xã Vinh Tiền	H. Tân Sơn			21° 04' 42"	105° 05' 01"	21° 05' 7."	105° 04' 56"	F-48-67-C-c
khu Ai	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 07' 27"	105° 00' 04"					F-48-67-C-c
khu Bãi Muỗi	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 09' 20"	105° 00' 41"					F-48-67-C-a
khu Căng	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 07' 09"	105° 00' 55"					F-48-67-C-c
khu Đìa	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 05' 55"	105° 01' 56"					F-48-67-C-c
khu Đống Cả	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 07' 04"	105° 00' 21"					F-48-67-C-c
khu Đồng Dò	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 09' 06"	104° 59' 39"					F-48-66-D-b
khu Dụ	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 07' 09"	105° 00' 02"					F-48-67-C-c
khu Mu	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 07' 32"	105° 00' 38"					F-48-67-C-a
khu Mười	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 08' 01"	105° 00' 15"					F-48-67-C-a
khu Nâu	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 08' 00"	105° 00' 47"					F-48-67-C-a
khu Thang	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 10' 01"	104° 59' 09"					F-48-66-D-b
khu Vượng	DC	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 06' 59"	104° 59' 46"					F-48-66-D-d
núi Bụt	SV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 11' 29"	104° 58' 25"					F-48-66-D-b
đồi Lũng Cao	SV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 08' 27"	104° 59' 31"					F-48-66-D-b
đồi Luông	SV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 09' 52"	104° 59' 57"					F-48-67-C-a
núi Mùn Meo	SV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 08' 14"	105° 01' 31"					F-48-67-C-a
dãy Tang Cái	SV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 07' 12"	105° 01' 52"					F-48-67-C-c
đồi Tẹt	SV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn	21° 06' 04"	105° 02' 36"					F-48-67-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bao	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 06' 42"	105° 01' 08"	21° 06' 45"	105° 01' 41"	F-48-67-C-c
suối Dắc	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 11' 38	104° 58' 51"	21° 10' 35"	104° 59' 20"	F-48-66-D-b
suối Đìa	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 06' 28"	105° 01' 21"	21° 05' 41"	105° 02' 05"	F-48-67-C-c
suối Dò	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 09' 16"	104° 59' 39"	21° 09' 12"	105° 00' 13"	F-48-67-C-a
suối Dụ	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 08' 15"	104° 57' 49"	21° 07' 09"	105° 00' 16"	F-48-66-D-d
suối Lóng	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 08' 30"	104° 58' 30"	21° 09' 16"	104° 59' 39"	F-48-66-D-b
suối Ngầu	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 11' 03"	104° 57' 25"	21° 10' 12"	104° 58' 34"	F-48-66-D-b
suối NướcThang	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 09' 46"	104° 57' 54"	21° 10' 16"	105° 00' 45"	F-48-67-C-a
sông Tằn	TV	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 06' 59"	105° 00' 17"	21° 10' 16"	105° 00' 45"	F-48-67-C-a
đường tỉnh 316E	KX	xã Xuân Đài	H. Tân Sơn			21° 10' 01"	105° 00' 59"	21° 06' 58"	105° 00' 18"	F-48-67-C-a
khu Cỏi	DC	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 09' 16"	104° 56' 40"					F-48-66-D-b
khu Dù	DC	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 07' 31"	104° 57' 23"					F-48-66-D-b
khu Lạng	DC	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 06' 20"	104° 57' 21"					F-48-66-D-d
khu Lấp	DC	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 08' 40"	104° 56' 40"					F-48-66-D-b
khu Lùng Mằng	DC	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 05' 30"	104° 55' 58"					F-48-66-D-d
núi Bông	SV	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 09' 23"	104° 54' 39"					F-48-66-D-b
núi Cẩn	SV	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn	21° 10' 06"	104° 54' 30"					F-48-66-D-b
suối Chiềng	TV	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn			21° 05' 52"	104° 55' 15"	21° 05' 28"	104° 56' 51"	F-48-66-D-d
suối Nước Thang	TV	xã Xuân Sơn	H. Tân Sơn			21° 08' 28"	104° 56' 20"	21° 09' 46"	104° 57' 54"	F-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 30' 57"	105° 08' 09"					F-48-55-C-d
khu 2	DC	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 30' 31"	105° 08' 48"					F-48-55-C-d
khu 4	DC	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 30' 24"	105° 08' 05"					F-48-55-C-d
khu 10	DC	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 30' 02"	105° 08' 51"					F-48-67-A-b
Trường Cao đẳng nghề NN & PTNT Phú Thọ	KX	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 29' 51"	105° 07' 48"					F-48-67-A-b
Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ	KX	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 29' 40"	105° 08' 11"					F-48-67-A-b
cầu Văng	KX	TT. Thanh Ba	H. Thanh Ba	21° 30' 05"	105° 08' 05"					F-48-55-C-d
khu 1	DC	xã Chí Tiên	H. Thanh Ba	21° 25' 02"	105° 09' 29"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Chí Tiên	H. Thanh Ba	21° 25' 20"	105° 09' 28"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Chí Tiên	H. Thanh Ba	21° 26' 37"	105° 10' 02"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Chí Tiên	H. Thanh Ba	21° 26' 35"	105° 09' 23"					F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Chí Tiên	H. Thanh Ba	21° 27' 03"	105° 09' 41"					F-48-67-A-b
khu 7	DC	xã Chí Tiên	H. Thanh Ba	21° 26' 42"	105° 08' 41"					F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Chí Tiên	H. Thanh Ba	21° 27' 06"	105° 09' 04"					F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Chí Tiên	H. Thanh Ba	21° 25' 54"	105° 09' 04"					F-48-67-A-b
khu 10	DC	xã Chí Tiên	H. Thanh Ba	21° 27' 32"	105° 08' 52"					F-48-67-A-b
sông Hồng	TV	xã Chí Tiên	H. Thanh Ba			21° 25' 57"	105° 08' 35"	21° 24' 58"	105° 09' 06"	F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ga Chí Chủ	KX	xã Chí Tiên	H. Thanh Ba	21° 25' 49"	105° 09' 05"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 31' 09"	105° 10' 29"					F-48-55-C-d
khu 2	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 30' 55"	105° 10' 33"					F-48-55-C-d
khu 3	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 31' 11"	105° 11' 09"					F-48-55-C-d
khu 4	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 31' 28"	105° 11' 38"					F-48-55-C-d
khu 5	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 31' 45"	105° 11' 56"					F-48-55-C-d
khu 6	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 31' 56"	105° 11' 08"					F-48-55-C-d
khu 7	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 32' 07"	105° 10' 43"					F-48-55-C-d
khu 8	DC	xã Đại An	H. Thanh Ba	21° 32' 25"	105° 09' 57"					F-48-55-C-d
đường tỉnh 314B	KX	xã Đại An	H. Thanh Ba			21° 31' 02"	105° 10' 20"	21° 31' 30"	105° 11' 46"	F-48-55-C-d
khu 1	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 23' 06"	105° 11' 21"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 57"	105° 11' 29"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 44"	105° 11' 25"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 37"	105° 11' 10"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 33"	105° 11' 26"					F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 51"	105° 11' 07"					F-48-67-A-b
khu 7	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 43"	105° 10' 59"					F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 23' 15"	105° 10' 21"					F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 23' 10"	105° 10' 27"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 10	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 23' 06"	105° 10' 36"					F-48-67-A-b
khu 11	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 17"	105° 10' 45"					F-48-67-A-d
khu 12	DC	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 22' 07"	105° 10' 59"					F-48-67-A-d
đầm Trằm Sắt	TV	xã Đỗ Sơn	H. Thanh Ba	21° 23' 28"	105° 11' 15"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 59"	105° 11' 03"					F-48-67-A-d
khu 2	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 51"	105° 11' 02"					F-48-67-A-d
khu 3	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 48"	105° 11' 08"					F-48-67-A-d
khu 4	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 43"	105° 11' 03"					F-48-67-A-d
khu 5	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 42"	105° 11' 12"					F-48-67-A-d
khu 6	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 51"	105° 11' 14"					F-48-67-A-d
khu 7	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 33"	105° 11' 08"					F-48-67-A-d
khu 8	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 24"	105° 11' 11"					F-48-67-A-d
khu 9	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 09"	105° 11' 17"					F-48-67-A-d
khu 10	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 21' 00"	105° 11' 17"					F-48-67-A-d
khu 11	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 20' 51"	105° 11' 16"					F-48-67-A-d
khu 12	DC	xã Đỗ Xuyên	H. Thanh Ba	21° 20' 40"	105° 11' 15"					F-48-67-A-d
khu 1	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 31' 20"	105° 08' 47"					F-48-55-C-d
khu 2	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 31' 40"	105° 09' 05"					F-48-55-C-d
khu 3	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 10"	105° 09' 13"					F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 4	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 31' 44"	105° 08' 21"					F-48-55-C-d
khu 5	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 06"	105° 08' 13"					F-48-55-C-d
khu 6	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 21"	105° 08' 37"					F-48-55-C-d
khu 7	DC	xã Đông Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 40"	105° 08' 30"					F-48-55-C-d
khu 1	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 27' 31"	105° 10' 13"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 27' 13"	105° 10' 13"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 27' 08"	105° 10' 32"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 27' 07"	105° 10' 57"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 30"	105° 10' 48"					F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 16"	105° 10' 41"					F-48-67-A-b
khu 7	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 25' 54"	105° 10' 32"					F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 03"	105° 11' 06"					F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 25' 36"	105° 10' 59"					F-48-67-A-b
khu 10	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 25' 55"	105° 11' 09"					F-48-67-A-b
khu 11	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 25' 46"	105° 11' 11"					F-48-67-A-b
khu 12	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 25' 41"	105° 11' 30"					F-48-67-A-b
khu 13	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 04"	105° 11' 38"					F-48-67-A-b
khu 14	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 18"	105° 11' 30"					F-48-67-A-b
khu 15	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 11"	105° 11' 59"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 16	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 27"	105° 12' 25"					F-48-67-A-b
khu 17	DC	xã Đông Thành	H. Thanh Ba	21° 26' 41"	105° 12' 06"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Đồng Xuân	H. Thanh Ba	21° 29' 37"	105° 06' 55"					F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Đồng Xuân	H. Thanh Ba	21° 30' 10"	105° 07' 02"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Đồng Xuân	H. Thanh Ba	21° 29' 38"	105° 07' 14"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Đồng Xuân	H. Thanh Ba	21° 30' 14"	105° 07' 28"					F-48-55-C-c
khu 7	DC	xã Đồng Xuân	H. Thanh Ba	21° 30' 52"	105° 07' 02"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Đồng Xuân	H. Thanh Ba	21° 31' 04"	105° 07' 18"					F-48-55-C-c
đường tỉnh 314	KX	xã Đồng Xuân	H. Thanh Ba			21° 30' 56"	105° 06' 46"	21° 30' 07"	105° 07' 37"	F-48-55-C-c
cầu Đồng Đàng	KX	xã Đồng Xuân	H. Thanh Ba	21° 30' 07"	105° 07' 37"					F-48-55-C-d
khu 1	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 32' 05"	105° 05' 57"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 31' 32"	105° 05' 45"					F-48-55-C-c
khu 3	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 31' 13"	105° 05' 32"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 30' 59"	105° 05' 20"					F-48-55-C-c
khu 5	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 30' 38"	105° 05' 32"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 30' 46"	105° 05' 27"					F-48-55-C-c
khu 8	DC	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 30' 17"	105° 05' 39"					F-48-55-C-c
cầu Hanh Cù	KX	xã Hanh Cù	H. Thanh Ba	21° 31' 27"	105° 05' 30"					F-48-55-C-c
khu 1	DC	xã Hoàng Cương	H. Thanh Ba	21° 27' 13"	105° 07' 11"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 2	DC	xã Hoàng Cương	H. Thanh Ba	21° 27' 12"	105° 07' 35"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Hoàng Cương	H. Thanh Ba	21° 26' 51"	105° 07' 27"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Hoàng Cương	H. Thanh Ba	21° 26' 46"	105° 08' 07"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Hoàng Cương	H. Thanh Ba	21° 26' 41"	105° 08' 23"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 28' 31"	105° 11' 34"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 28' 05"	105° 11' 45"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 28' 17"	105° 12' 02"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 27' 46"	105° 12' 17"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 29' 03"	105° 12' 44"					F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 28' 25"	105° 13' 03"					F-48-67-A-b
khu 7	DC	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 28' 17"	105° 13' 23"					F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 27' 56"	105° 13' 08"					F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 27' 51"	105° 12' 44"					F-48-67-A-b
khu 10	DC	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 27' 33"	105° 12' 41"					F-48-67-A-b
núi Thắm	SV	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 28' 25"	105° 11' 16"					F-48-67-A-b
đường tỉnh 314	KX	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba			21° 27' 14"	105° 12' 10"	21° 26' 46"	105° 13' 04"	F-48-67-A-b
cầu Khải Xuân	KX	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 26' 53"	105° 12' 48"					F-48-67-A-b
chùa Thái Bằng	KX	xã Khải Xuân	H. Thanh Ba	21° 27' 17"	105° 12' 24"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 19' 56"	105° 11' 28"					F-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 2	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 19' 56"	105° 11' 36"					F-48-67-A-d
khu 3	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 19' 56"	105° 11' 44"					F-48-67-A-d
khu 4	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 19' 59"	105° 11' 52"					F-48-67-A-d
khu 5	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 20' 10"	105° 11' 39"					F-48-67-A-d
khu 6	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 20' 13"	105° 12' 03"					F-48-67-A-d
khu 7	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 20' 27"	105° 12' 02"					F-48-67-A-d
khu 8	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 20' 33"	105° 12' 07"					F-48-67-A-d
khu 9	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 20' 30"	105° 12' 14"					F-48-67-A-d
khu 10	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 20' 38"	105° 12' 13"					F-48-67-A-d
khu 11	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 20' 48"	105° 12' 25"					F-48-67-A-d
khu 12	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 21' 12"	105° 12' 34"					F-48-67-A-d
khu 13	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 21' 15"	105° 12' 25"					F-48-67-A-d
khu 14	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 21' 26"	105° 12' 23"					F-48-67-A-d
khu 15	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 21' 33"	105° 12' 22"					F-48-67-A-d
khu 16	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 21' 42"	105° 12' 22"					F-48-67-A-d
khu 17	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 21' 52"	105° 12' 24"					F-48-67-A-d
khu 18	DC	xã Lương Lỗ	H. Thanh Ba	21° 21' 48"	105° 12' 19"					F-48-67-A-d
khu 1	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 28' 24"	105° 06' 27"					F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 28' 18"	105° 06' 41"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 3	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 27' 58"	105° 06' 13"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 27' 55"	105° 06' 26"					F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 28' 00"	105° 06' 53"					F-48-67-A-a
khu 6	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 27' 46"	105° 06' 41"					F-48-67-A-a
khu 7	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 27' 30"	105° 06' 55"					F-48-67-A-a
khu 8	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 27' 40"	105° 07' 02"					F-48-67-A-a
khu 9	DC	xã Mạn Lạn	H. Thanh Ba	21° 27' 47"	105° 05' 56"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 29' 23"	105° 12' 03"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 05"	105° 12' 07"					F-48-55-C-d
khu 3	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 13"	105° 12' 41"					F-48-55-C-d
khu 4	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 09"	105° 11' 49"					F-48-55-C-d
khu 5	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 14"	105° 11' 41"					F-48-55-C-d
khu 6	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 23"	105° 11' 46"					F-48-55-C-d
khu 7	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 43"	105° 11' 13"					F-48-55-C-d
khu 8	DC	xã Năng Yên	H. Thanh Ba	21° 30' 26"	105° 11' 01"					F-48-55-C-d
khu 1	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 27' 52"	105° 09' 56"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 28' 12"	105° 09' 36"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 28' 35"	105° 09' 28"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 28' 31"	105° 09' 00"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 6	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 28' 50"	105° 09' 24"					F-48-67-A-b
khu 7	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 29' 22"	105° 09' 09"					F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 29' 42"	105° 09' 09"					F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 29' 13"	105° 08' 29"					F-48-67-A-b
khu 10	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 29' 21"	105° 08' 46"					F-48-67-A-b
khu 11	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 29' 18"	105° 09' 50"					F-48-67-A-b
khu 12	DC	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 29' 30"	105° 09' 54"					F-48-67-A-b
đường tỉnh 314	KX	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba			21° 29' 22"	105° 08' 36"	21° 28' 07"	105° 10' 17"	F-48-67-A-b
cầu Ninh Dân	KX	xã Ninh Dân	H. Thanh Ba	21° 28' 47"	105° 09' 01"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Phương Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 28' 33"	105° 05' 42"					F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Phương Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 28' 20"	105° 05' 45"					F-48-67-A-a
khu 3	DC	xã Phương Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 28' 27"	105° 05' 55"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Phương Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 28' 40"	105° 06' 02"					F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Phương Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 29' 01"	105° 06' 40"					F-48-67-A-a
khu 6	DC	xã Phương Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 28' 53"	105° 06' 43"					F-48-67-A-a
khu 7	DC	xã Phương Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 28' 58"	105° 06' 58"					F-48-67-A-a
khu 8	DC	xã Phương Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 29' 14"	105° 06' 38"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Quảng Nạp	H. Thanh Ba	21° 30' 01"	105° 10' 27"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Quảng Nạp	H. Thanh Ba	21° 29' 37"	105° 10' 24"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 3	DC	xã Quảng Nạp	H. Thanh Ba	21° 29' 49"	105° 11' 00"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Quảng Nạp	H. Thanh Ba	21° 29' 14"	105° 11' 15"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Quảng Nạp	H. Thanh Ba	21° 28' 59"	105° 11' 01"					F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Quảng Nạp	H. Thanh Ba	21° 28' 47"	105° 11' 18"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 24' 25"	105° 09' 37"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 24' 54"	105° 09' 38"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 24' 27"	105° 09' 57"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 24' 32"	105° 09' 51"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 24' 56"	105° 09' 58"					F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 24' 55"	105° 10' 17"					F-48-67-A-b
khu 7	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 25' 04"	105° 10' 28"					F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 25' 19"	105° 10' 12"					F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Sơn Cương	H. Thanh Ba	21° 25' 30"	105° 10' 03"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 30' 50"	105° 08' 53"					F-48-55-C-d
khu 2	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 30' 49"	105° 09' 28"					F-48-55-C-d
khu 3	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 30' 34"	105° 09' 54"					F-48-55-C-d
khu 4	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 30' 54"	105° 10' 02"					F-48-55-C-d
khu 5	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 29' 50"	105° 10' 14"					F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 31' 10"	105° 09' 27"					F-48-55-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 7	DC	xã Thái Ninh	H. Thanh Ba	21° 31' 39"	105° 09' 40"					F-48-55-C-d
khu 1	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 01"	105° 10' 44"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 23' 55"	105° 10' 27"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 23' 41"	105° 10' 42"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 23' 34"	105° 10' 29"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 23' 29"	105° 10' 06"					F-48-67-A-b
khu 6	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 00"	105° 09' 43"					F-48-67-A-b
khu 7	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 03"	105° 09' 58"					F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 03"	105° 10' 05"					F-48-67-A-b
khu 9	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 06"	105° 10' 20"					F-48-67-A-b
khu 10	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 15"	105° 10' 30"					F-48-67-A-b
khu 11	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 15"	105° 10' 47"					F-48-67-A-b
đầm Lao	TV	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 24"	105° 10' 18"					F-48-67-A-b
đường tỉnh 320	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba			21° 24' 08"	105° 09' 31"	21° 24' 06"	105° 11' 05"	F-48-67-A-b
Công ty Thương mại Lam Sơn	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 24' 12"	105° 10' 54"					F-48-67-A-b
phà Tình Cương	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Ba	21° 23' 33"	105° 09' 15"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Thanh Vân	H. Thanh Ba	21° 30' 45"	105° 06' 01"					F-48-55-C-c
khu 4	DC	xã Thanh Vân	H. Thanh Ba	21° 31' 15"	105° 06' 19"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Thanh Vân	H. Thanh Ba	21° 31' 38"	105° 06' 30"					F-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Ba	21° 27' 16"	105° 08' 14"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Ba	21° 27' 38"	105° 08' 24"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Ba	21° 27' 46"	105° 07' 56"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Ba	21° 27' 56"	105° 07' 19"					F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Thanh Xá	H. Thanh Ba	21° 28' 23"	105° 07' 12"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Vân Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 04"	105° 06' 58"					F-48-55-C-c
khu 2	DC	xã Vân Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 30"	105° 07' 37"					F-48-55-C-d
khu 4	DC	xã Vân Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 33' 27"	105° 08' 02"					F-48-55-C-d
khu 5	DC	xã Vân Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 34' 09"	105° 08' 44"					F-48-55-C-d
gò Trọc	SV	xã Vân Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 34' 08"	105° 09' 10"					F-48-55-C-d
Nông trường Vân Lĩnh	KX	xã Vân Lĩnh	H. Thanh Ba	21° 32' 36"	105° 07' 57"					F-48-55-C-d
khu 1	DC	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 26' 50"	105° 11' 24"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 27' 02"	105° 11' 17"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 27' 32"	105° 11' 25"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 27' 58"	105° 11' 07"					F-48-67-A-b
khu 8	DC	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 27' 52"	105° 10' 44"					F-48-67-A-b
khu 10	DC	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 28' 30"	105° 10' 38"					F-48-67-A-b
đường tỉnh 314	KX	xã Võ Lao	H. Thanh Ba			21° 28' 07"	105° 10' 17"	21° 27' 14"	105° 11' 58"	F-48-67-A-b
đập Phai Din	KX	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 27' 04"	105° 11' 39"					F-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nhà máy Thép Z121	KX	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 27' 14"	105° 11' 44"					F-48-67-A-b
cầu Võ Lao	KX	xã Võ Lao	H. Thanh Ba	21° 28' 03"	105° 10' 42"					F-48-67-A-b
khu 1	DC	xã Vũ Yển	H. Thanh Ba	21° 29' 15"	105° 04' 57"					F-48-67-A-a
khu 2	DC	xã Vũ Yển	H. Thanh Ba	21° 29' 07"	105° 05' 13"					F-48-67-A-a
khu 3	DC	xã Vũ Yển	H. Thanh Ba	21° 28' 58"	105° 05' 25"					F-48-67-A-a
khu 4	DC	xã Vũ Yển	H. Thanh Ba	21° 29' 16"	105° 05' 56"					F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Vũ Yển	H. Thanh Ba	21° 28' 54"	105° 05' 47"					F-48-67-A-a
khu 6	DC	xã Vũ Yển	H. Thanh Ba	21° 28' 44"	105° 05' 38"					F-48-67-A-a
khu 7	DC	xã Vũ Yển	H. Thanh Ba	21° 29' 10"	105° 05' 04"					F-48-67-A-a
khu 8	DC	xã Vũ Yển	H. Thanh Ba	21° 29' 02"	105° 05' 12"					F-48-67-A-a
cầu Đồng Sâu	KX	xã Vũ Yển	H. Thanh Ba	21° 29' 08"	105° 05' 37"					F-48-67-A-a
ga Vũ Ển	KX	xã Vũ Yển	H. Thanh Ba	21° 29' 18"	105° 05' 03"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Yển Khê	H. Thanh Ba	21° 29' 28"	105° 05' 44"					F-48-67-A-a
khu 5	DC	xã Yển Khê	H. Thanh Ba	21° 30' 08"	105° 06' 02"					F-48-55-C-c
khu 6	DC	xã Yển Khê	H. Thanh Ba	21° 29' 51"	105° 05' 51"					F-48-67-A-a
khu 8	DC	xã Yển Khê	H. Thanh Ba	21° 30' 21"	105° 04' 43"					F-48-55-C-c
khu 9	DC	xã Yển Khê	H. Thanh Ba	21° 30' 19"	105° 04' 49"					F-48-55-C-c
khu 10	DC	xã Yển Khê	H. Thanh Ba	21° 30' 05"	105° 05' 20"					F-48-55-C-c
khu 11	DC	xã Yển Khê	H. Thanh Ba	21° 29' 55"	105° 05' 17"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 12	DC	xã Yển Khê	H. Thanh Ba	21° 30' 02"	105° 05' 25"					F-48-55-C-c
khu 14	DC	xã Yển Khê	H. Thanh Ba	21° 29' 55"	105° 05' 24"					F-48-67-A-a
khu 15	DC	xã Yển Khê	H. Thanh Ba	21° 29' 33"	105° 05' 55"					F-48-67-A-a
hồ Đồng Rưởm	TV	xã Yển Khê	H. Thanh Ba	21° 29' 30"	105° 06' 19"					F-48-67-A-a
khu 1	DC	xã Yên Nội	H. Thanh Ba	21° 29' 06"	105° 07' 30"					F-48-67-A-b
khu 2	DC	xã Yên Nội	H. Thanh Ba	21° 29' 25"	105° 07' 54"					F-48-67-A-b
khu 3	DC	xã Yên Nội	H. Thanh Ba	21° 28' 51"	105° 08' 15"					F-48-67-A-b
khu 4	DC	xã Yên Nội	H. Thanh Ba	21° 28' 35"	105° 07' 53"					F-48-67-A-b
khu 5	DC	xã Yên Nội	H. Thanh Ba	21° 28' 01"	105° 09' 04"					F-48-67-A-b
khu 19/5	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 12' 24"	105° 10' 22"					F-48-67-C-b
khu Bãi Tần	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 13' 05"	105° 12' 12"					F-48-67-C-b
khu Hạ Sơn	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 12' 08"	105° 10' 25"					F-48-67-C-b
khu Hùng Nhĩ	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 13' 30"	105° 10' 58"					F-48-67-C-b
khu Liên Đồng	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 12' 40"	105° 12' 15"					F-48-67-C-b
khu Tân Thành	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 12' 39"	105° 11' 03"					F-48-67-C-b
phố Tân Thịnh	DC	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 13' 19"	105° 10' 40"					F-48-67-C-b
đường tỉnh 316	KX	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn			21° 12' 36"	105° 12' 22"	21° 11' 35"	105° 10' 43"	F-48-67-C-b
Nhà máy Chè Phú Đa	KX	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 13' 22"	105° 11' 14"					F-48-67-C-b
cầu Khánh	KX	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 13' 41"	105° 11' 45"					F-48-67-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty Quăczít	KX	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 11' 45"	105° 10' 41"					F-48-67-C-b
cầu Ròng	KX	TT. Thanh Sơn	H. Thanh Sơn	21° 11' 34"	105° 10' 44"					F-48-67-C-b
xóm Đồn	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 05' 58"	105° 14' 35"					F-48-67-C-d
xóm Đồng Cai	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 06' 05"	105° 13' 52"					F-48-67-C-d
xóm Đồng Nghìa	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 05' 46"	105° 14' 07"					F-48-67-C-d
xóm Liên Đồng	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 06' 17"	105° 14' 11"					F-48-67-C-d
xóm Minh Khai	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 06' 50"	105° 13' 22"					F-48-67-C-d
xóm Quyết Tiến	DC	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 06' 46"	105° 14' 38"					F-48-67-C-d
núi Lưỡi Hái	SV	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 05' 21"	105° 11' 38"					F-48-67-C-d
suối Khoang Xanh	TV	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn			21° 07' 05"	105° 13' 22"	21° 07' 16"	105° 14' 19"	F-48-67-C-d
suối Vai Chát	TV	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn			21° 07' 16"	105° 14' 19"	21° 06' 43"	105° 15' 35"	F-48-67-C-d
suối Xương	TV	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn			21° 06' 05"	105° 13' 18"	21° 06' 39"	105° 15' 28"	F-48-67-C-d
đường tỉnh 316	KX	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn			21° 07' 02"	105° 13' 36"	21° 05' 11"	105° 14' 34"	F-48-67-C-d
cầu Khoang Xanh	KX	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 06' 58"	105° 13' 45"					F-48-67-C-d
cầu Xương	KX	xã Cự Đồng	H. Thanh Sơn	21° 05' 51"	105° 14' 04"					F-48-67-C-d
khu 41	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 09' 08"	105° 11' 33"					F-48-67-C-b
xóm Chòi Xuân	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 39"	105° 12' 46"					F-48-67-C-b
xóm Dặm	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 43"	105° 12' 17"					F-48-67-C-b
xóm Đồng Dài	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 16"	105° 12' 54"					F-48-67-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Lạc	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 47"	105° 13' 08"					F-48-67-C-b
xóm Gò Tre	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 55"	105° 12' 33"					F-48-67-C-b
xóm Nương	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 42"	105° 11' 27"					F-48-67-C-b
xóm Xụ Ngoài	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 34"	105° 12' 21"					F-48-67-C-b
xóm Xụ Trong	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 08"	105° 11' 49"					F-48-67-C-b
khu Xuân Thắng	DC	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 58"	105° 10' 35"					F-48-67-C-b
núi Lưỡi Hái	SV	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 44"	105° 10' 36"					F-48-67-C-b
suối Cháu	TV	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn			21° 06' 30"	105° 11' 23"	21° 08' 16"	105° 13' 15"	F-48-67-C-b
đường tỉnh 316	KX	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn			21° 09' 23"	105° 11' 15"	21° 08' 01"	105° 13' 20"	F-48-67-C-b
cầu Cả	KX	xã Cự Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 18"	105° 12' 32"					F-48-67-C-b
xóm Ao Vèn	DC	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 45"	105° 07' 54"					F-48-67-C-b
xóm Chát	DC	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 32"	105° 06' 45"					F-48-67-C-a
xóm Chiềng	DC	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 16"	105° 07' 05"					F-48-67-C-a
xóm Đền Vọng	DC	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 20"	105° 07' 49"					F-48-67-C-b
xóm Đình	DC	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 04"	105° 08' 22"					F-48-67-C-b
xóm Đồn Ướt	DC	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 54"	105° 09' 08"					F-48-67-C-b
xóm Đồng Mè	DC	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 25"	105° 07' 54"					F-48-67-C-b
xóm Gò Giữa	DC	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 00"	105° 07' 05"					F-48-67-C-a
xóm Lóng	DC	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 08"	105° 07' 19"					F-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Quyết Tiến	DC	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 13' 01"	105° 06' 19"					F-48-67-C-a
xóm Suối Nai	DC	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 35"	105° 07' 16"					F-48-67-C-a
xóm Việt Phú	DC	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 43"	105° 09' 18"					F-48-67-C-b
đồi Chậu	SV	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 12' 45"	105° 06' 14"					F-48-67-C-a
đồi Vay	SV	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 37"	105° 06' 31"					F-48-67-C-a
sông Bứa	TV	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn			21° 13' 20"	105° 05' 33"	21° 12' 02"	105° 08' 31"	F-48-67-C-a
suối Chát	TV	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn			21° 11' 00"	105° 06' 20"	21° 10' 59"	105° 09' 26"	F-48-67-C-a
cầu Cú	KX	xã Địch Quả	H. Thanh Sơn	21° 11' 11"	105° 06' 15"					F-48-67-C-a
xóm Bái	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 36"	105° 05' 37"					F-48-67-C-c
xóm Bầu	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 25"	105° 04' 27"					F-48-67-C-c
xóm Bư	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 22"	105° 04' 06"					F-48-67-C-c
xóm Cạn	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 28"	105° 05' 23"					F-48-67-C-c
xóm Cốc	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 54"	105° 03' 54"					F-48-67-C-c
xóm Dấu	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 41"	105° 03' 27"					F-48-67-C-c
xóm Dọc	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 02' 16"	105° 05' 25"					F-48-67-C-c
xóm Đồng Khoai	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 02' 35"	105° 03' 06"					F-48-67-C-c
xóm Hạ Thành	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 21"	105° 03' 43"					F-48-67-C-c
xóm Mu 1	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 53"	105° 04' 17"					F-48-67-C-c
xóm Mu 2	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 36"	105° 04' 36"					F-48-67-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Muỗng	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 00' 42"	105° 05' 11"					F-48-67-C-c
xóm Nhổi	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 47"	105° 05' 31"					F-48-67-C-c
xóm Quét	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 27"	105° 06' 00"					F-48-67-C-c
xóm Vừn	DC	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 07"	105° 05' 13"					F-48-67-C-c
núi Dọc	SV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 20"	105° 04' 49"					F-48-67-C-c
núi Giát	SV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 17"	105° 05' 17"					F-48-67-C-c
núi Gò Cao	SV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 00' 40"	105° 04' 11"					F-48-67-C-c
núi Mèo	SV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 02' 30."	105° 02' 31"					F-48-67-C-c
suối Bầu	TV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn			21° 01' 29"	105° 03' 48"	21° 01' 41"	105° 05' 20"	F-48-67-C-c
suối Bương	TV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn			21° 02' 40"	105° 03' 58"	21° 01' 42"	105° 04' 58"	F-48-67-C-c
suối Dân	TV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn			21° 01' 21"	105° 05' 30"	21° 01' 39"	105° 06' 08"	F-48-67-C-c
suối Dấu	TV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn			21° 00' 38"	105° 03' 33"	21° 01' 42"	105° 04' 58"	F-48-67-C-c
suối Dọc	TV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn			21° 02' 30"	105° 05' 18"	21° 01' 21"	105° 05' 30"	F-48-67-C-c
suối Lam	TV	xã Đồng Cửu	H. Thanh Sơn			21° 00' 20"	105° 06' 14"	20° 59' 47"	105° 06' 47"	F-48-79-A-a
xóm Đình Chung	DC	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn	21° 12' 28"	105° 13' 24"					F-48-67-C-b
xóm Mới	DC	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn	21° 12' 31"	105° 12' 33"					F-48-67-C-b
xóm Tân Long	DC	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn	21° 12' 05"	105° 12' 24"					F-48-67-C-b
xóm Vinh Quang	DC	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn	21° 12' 13"	105° 12' 51"					F-48-67-C-b
đồi Dọc	SV	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn	21° 11' 34"	105° 12' 39"					F-48-67-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 316	KX	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn			21° 12' 05"	105° 13' 43"	21° 12' 36"	105° 12' 22"	F-48-67-C-b
cầu Giáp Lai	KX	xã Giáp Lai	H. Thanh Sơn	21° 12' 42"	105° 12' 39"					F-48-67-C-b
xóm Cháu	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 03' 14"	105° 15' 14"					F-48-67-D-c
xóm Đồn	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 00"	105° 14' 11"					F-48-67-C-d
xóm Đồng Quán	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 03' 30"	105° 14' 43"					F-48-67-C-d
xóm Đồng Sạng	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 48"	105° 15' 26"					F-48-67-D-c
xóm Hem	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 58"	105° 13' 46"					F-48-67-C-d
xóm Khoang	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 26"	105° 14' 14"					F-48-67-C-d
xóm Lèo	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 42"	105° 13' 05"					F-48-67-C-d
xóm Lịch 1	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 01' 05"	105° 14' 07"					F-48-67-C-d
xóm Lịch 2	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 00' 38"	105° 14' 04"					F-48-67-C-d
xóm Nội Xén	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 37"	105° 13' 58"					F-48-67-C-d
xóm Ong	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 01' 18"	105° 14' 36"					F-48-67-C-d
khu Tân Hương	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 00' 57"	105° 14' 37"					F-48-67-C-d
xóm Trại	DC	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 01' 11"	105° 14' 54"					F-48-67-C-d
đồi Ong	SV	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 01' 17"	105° 15' 10"					F-48-67-D-c
suối Hem	TV	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn			21° 04' 57"	105° 12' 10"	21° 02' 13"	105° 14' 07"	F-48-67-C-d
suối Lèo	TV	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn			21° 02' 444"	105° 12' 55"	21° 01' 44"	105° 14' 29"	F-48-67-C-d
suối Lịch	TV	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn			21° 01' 03"	105° 13' 55"	21° 01' 00"	105° 14' 56"	F-48-67-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 316	KX	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn			21° 04' 28"	105° 14' 52"	21° 00' 55"	105° 14' 40"	F-48-67-C-d
cầu Suối Hem	KX	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 42"	105° 13' 52"					F-48-67-C-d
cầu Suối Lèo	KX	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 02' 08"	105° 13' 51"					F-48-67-C-d
cầu Suối Lịch	KX	xã Hương Cần	H. Thanh Sơn	21° 01' 11"	105° 14' 29"					F-48-67-C-d
xóm Bãi Lau	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 33"	105° 08' 21"					F-48-67-C-d
xóm Bương	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 01"	105° 08' 32"					F-48-67-C-d
xóm Câu	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 02' 50"	105° 07' 10"					F-48-67-C-c
xóm Chẵng	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 31"	105° 07' 31"					F-48-67-C-d
xóm Chùa	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 46"	105° 08' 05"					F-48-67-C-d
xóm Chuôi	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 00' 49"	105° 07' 50"					F-48-67-C-d
xóm Hắm	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 12"	105° 07' 59"					F-48-67-C-d
xóm Lạn	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 17"	105° 06' 56"					F-48-67-C-c
xóm Măng	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 21"	105° 07' 42"					F-48-67-C-d
xóm Mu	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 04' 14"	105° 07' 32"					F-48-67-C-c
xóm Ngán	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 02' 32"	105° 07' 40"					F-48-67-C-d
xóm Rét	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 11"	105° 07' 20"					F-48-67-C-c
xóm Sinh Dưới	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 49"	105° 07' 34"					F-48-67-C-d
xóm Sinh Trên	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 02' 37"	105° 08' 54"					F-48-67-C-d
xóm Tầm	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 02' 49"	105° 07' 35"					F-48-67-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Vạch	DC	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 05"	105° 07' 36"					F-48-67-C-d
núi Hổn	SV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 36"	105° 07' 14"					F-48-67-C-c
núi Lạn	SV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 03' 02"	105° 05' 50"					F-48-67-C-c
núi Rào	SV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 29"	105° 07' 02"					F-48-67-C-c
núi Sam	SV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn	21° 01' 01"	105° 09' 12"					F-48-67-C-d
suối Dân	TV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn			21° 00' 13"	105° 07' 40"	21° 02' 54"	105° 07' 50"	F-48-67-C-c
suối Dấu	TV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn			21° 01' 40"	105° 06' 09"	21° 03' 11"	105° 07' 44"	F-48-67-C-c
suối Sinh	TV	xã Khả Cửu	H. Thanh Sơn			21° 03' 11"	105° 07' 43"	21° 01' 40"	105° 06' 08"	F-48-67-C-d
xóm Bãi	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	20° 59' 55"	105° 18' 34"					F-48-79-B-a
xóm Đồi	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	20° 59' 50"	105° 18' 42"					F-48-79-B-a
xóm Đồi Bông	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	20° 59' 26"	105° 19' 01"					F-48-79-B-a
xóm Đồng Liệm	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	21° 00' 23"	105° 17' 23"					F-48-67-D-c
xóm Lạc Song	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	20° 59' 10"	105° 19' 13"					F-48-79-B-a
xóm Lở	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	20° 59' 31"	105° 18' 11"					F-48-79-B-a
xóm Thín	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	21° 00' 05"	105° 17' 09"					F-48-67-D-c
xóm Trại	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	21° 00' 07"	105° 18' 03"					F-48-79-B-a
xóm Vũ	DC	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	21° 00' 16"	105° 18' 29"					F-48-79-B-a
núi Đồng Liệm	SV	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	20° 59' 52"	105° 17' 37"					F-48-79-B-a
sông Đà	TV	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn			20° 59' 12"	105° 19' 35"	21° 00' 45"	105° 18' 53"	F-48-79-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 317	KX	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn			21° 00' 19"	105° 18' 27"	20° 59' 07"	105° 19' 27"	F-48-67-D-c
cầu Lương Nha	KX	xã Lương Nha	H. Thanh Sơn	105° 18' 26"	21° 00' 19"					F-48-67-D-c
đội 2	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 28"	105° 10' 51"					F-48-67-C-b
đội 11	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 39"	105° 11' 45"					F-48-67-C-b
xóm Bồ Kết	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 17"	105° 10' 23"					F-48-67-C-b
xóm Chanh	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 15"	105° 12' 10"					F-48-67-C-b
xóm Gai	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 46"	105° 12' 04"					F-48-67-C-b
xóm Khuân 1	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 58"	105° 12' 19"					F-48-67-C-b
xóm Khuân 2	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 35"	105° 12' 27"					F-48-67-C-b
khu Ngọc Sơn 1	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 36"	105° 10' 31"					F-48-67-C-b
khu Ngọc Sơn 2	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 34"	105° 10' 55"					F-48-67-C-b
xóm Sỏi Cả	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 12' 51"	105° 10' 24"					F-48-67-C-b
khu Tam Sơn 1	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 06"	105° 11' 40"					F-48-67-C-b
khu Tam Sơn 2	DC	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 13' 58"	105° 11' 22"					F-48-67-C-b
núi Vân	SV	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 12' 51"	105° 09' 52"					F-48-67-C-b
sông Bứa	TV	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn			21° 15' 05"	105° 11' 53"	21° 12' 19"	105° 10' 07"	F-48-67-C-b
suối Khánh	TV	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn			21° 13' 12"	105° 12' 19"	21° 13' 25"	105° 12' 00"	F-48-67-C-b
suối Lánh	TV	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn			21° 15' 10"	105° 10' 27"	21° 14' 34"	105° 09' 46"	F-48-67-C-b
quốc lộ 32	KX	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn			21° 13' 43"	105° 11' 57"	21° 15' 08"	105° 12' 15"	F-48-67-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Lánh	KX	xã Sơn Hùng	H. Thanh Sơn	21° 14' 34"	105° 10' 46"					F-48-67-C-b
xóm Chầm I	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 01' 35"	105° 13' 03"					F-48-67-C-d
xóm Chầm II	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 01' 19"	105° 13' 31"					F-48-67-C-d
xóm Chủng	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	20° 59' 47"	105° 12' 17"					F-48-79-A-b
xóm Hạ Thành	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	20° 59' 21"	105° 12' 14"					F-48-79-A-b
xóm Mận	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 00' 11"	105° 12' 27"					F-48-67-C-d
xóm Mít I	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 01' 03"	105° 11' 57"					F-48-67-C-d
xóm Mít II	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 00' 47"	105° 12' 16"					F-48-67-C-d
xóm Nưa Hạ	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 02' 13"	105° 11' 35"					F-48-67-C-d
xóm Nưa Thượng	DC	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 02' 32"	105° 11' 12"					F-48-67-C-d
núi Ông Voi	SV	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 00' 46"	105° 13' 06"					F-48-67-C-d
suối Phai Chầm	TV	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn			21° 01' 37"	105° 12' 48"	21° 01' 03"	105° 13' 55"	F-48-67-C-d
đường tỉnh 316D	KX	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn			21° 03' 05"	105° 10' 44"	21° 01' 14"	105° 13' 55"	F-48-67-C-d
dốc Bụt	KX	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 03' 00"	105° 10' 45"					F-48-67-C-d
đình Lưa	KX	xã Tân Lập	H. Thanh Sơn	21° 02' 04"	105° 11' 21"					F-48-67-C-d
xóm Dớn	DC	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn	21° 03' 42"	105° 11' 10"					F-48-67-C-d
xóm Gằn	DC	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn	21° 04' 06"	105° 10' 10"					F-48-67-C-d
xóm Nhằn Hạ	DC	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn	21° 04' 33"	105° 08' 35"					F-48-67-C-d
xóm Nhằn Thượng	DC	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn	21° 03' 45"	105° 09' 03"					F-48-67-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nhan	SV	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn	21° 04' 12"	105° 08' 09"					F-48-67-C-d
suối Gằn	TV	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn			21° 04' 28"	105° 11' 36"	21° 05' 03"	105° 08' 45"	F-48-67-C-d
đường tỉnh 332	KX	xã Tân Minh	H. Thanh Sơn			21° 04' 53"	105° 08' 01"	21° 03' 05"	105° 10' 44"	F-48-67-C-c
xóm Bãi	DC	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 11"	105° 13' 41"					F-48-67-C-d
xóm Chiềng	DC	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 10"	105° 14' 36"					F-48-67-C-d
xóm Đồng Chỏm	DC	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 11"	105° 13' 28"					F-48-67-C-b
xóm Khang	DC	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 20"	105° 13' 57"					F-48-67-C-d
xóm Sui	DC	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 45"	105° 13' 47"					F-48-67-C-b
xóm Tế	DC	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 46"	105° 13' 27"					F-48-67-C-b
xóm Xem	DC	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn	21° 08' 31"	105° 13' 53"					F-48-67-C-b
suối Khoang Xanh	TV	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn			21° 07' 05"	105° 13' 22"	21° 07' 16"	105° 14' 19"	F-48-67-C-d
suối Mát	TV	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn			21° 08' 06"	105° 13' 24"	21° 07' 22"	105° 14' 15"	F-48-67-C-b
suối Vai Trát	TV	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn			21° 07' 22"	105° 14' 15"	21° 06' 43"	105° 15' 35"	F-48-67-C-d
đường tỉnh 316	KX	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn			21° 08' 01"	105° 13' 20"	21° 07' 02"	105° 13' 36"	F-48-67-C-b
cầu Đồng Tế	KX	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 51"	105° 13' 20"					F-48-67-C-b
cầu Suối Mát	KX	xã Tất Thắng	H. Thanh Sơn	21° 07' 58"	105° 13' 21"					F-48-67-C-b
xóm Chiềng	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 13"	105° 14' 15"					F-48-67-C-b
xóm Đá Bạc	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 10' 41"	105° 15' 57"					F-48-67-D-a
xóm Đình	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 27"	105° 15' 19"					F-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Dộc Cày	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 05"	105° 15' 15"					F-48-67-D-a
xóm Đồi Chè	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 03"	105° 15' 46"					F-48-67-D-a
xóm Đồng Bản	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 10' 54"	105° 14' 39"					F-48-67-C-b
xóm Đồng Bung	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 23"	105° 13' 56"					F-48-67-C-b
xóm Đồng Lương	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 10' 20"	105° 15' 35"					F-48-67-D-a
xóm Đồng Phú	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 42"	105° 13' 55"					F-48-67-C-b
xóm Nhà Thờ	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 10' 42"	105° 15' 36"					F-48-67-D-a
xóm Nội	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 28"	105° 14' 15"					F-48-67-C-b
xóm Tiền Phong	DC	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 10' 50"	105° 15' 08"					F-48-67-D-a
đường tỉnh 316	KX	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn			21° 10' 43"	105° 16' 22"	21° 12' 05"	105° 13' 43"	F-48-67-D-a
Công ty Địa chất khoáng sản 303	KX	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 45"	105° 13' 56"					F-48-67-C-b
mỏ Fenpat	KX	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 11' 29"	105° 15' 33"					F-48-67-D-a
mỏ Trường Thạch Fenpat	KX	xã Thạch Khoán	H. Thanh Sơn	21° 10' 47"	105° 16' 10"					F-48-67-D-a
xóm Đá Cóc	DC	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 04' 55"	105° 14' 49"					F-48-67-C-d
xóm Đa Nghệ	DC	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 05' 51"	105° 16' 47"					F-48-67-D-c
xóm Đồng Cốc	DC	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 04' 46"	105° 15' 11"					F-48-67-D-c
xóm Giai Hạ	DC	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 05' 37"	105° 15' 51"					F-48-67-D-c
xóm Giai Thượng	DC	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 05' 37"	105° 15' 17"					F-48-67-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Giếng Ống	DC	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 06' 05"	105° 15' 50"					F-48-67-D-c
cầu Voi Đằm	KX	xã Thắng Sơn	H. Thanh Sơn	21° 05' 06"	105° 14' 35"					F-48-67-C-d
khu Bến Đình	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 11' 02"	105° 10' 08"					F-48-67-C-b
khu Bình Dân	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 11' 41"	105° 10' 06"					F-48-67-C-b
khu Đa Đu	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 09' 37"	105° 11' 00"					F-48-67-C-b
khu Đồng Cỏ	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 01"	105° 10' 09"					F-48-67-C-b
khu Đông Lão	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 38"	105° 10' 34"					F-48-67-C-b
khu Đồng Xịa	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 17"	105° 10' 43"					F-48-67-C-b
khu Giáp Trung	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 39"	105° 10' 14"					F-48-67-C-b
khu Ngọc Đồng	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 07"	105° 09' 44"					F-48-67-C-b
khu Phố Soi	DC	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 53"	105° 10' 46"					F-48-67-C-b
đồi Đồng Cỏ	SV	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 09' 11"	105° 10' 09"					F-48-67-C-b
dốc Than	SV	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 10' 21"	105° 10' 19"					F-48-67-C-b
sông Bứa	TV	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn			21° 10' 59"	105° 09' 26"	21° 12' 19"	105° 10' 07"	F-48-67-C-b
suối Dòng	TV	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn			21° 10' 06"	105° 12' 57"	21° 11' 32"	105° 10' 34"	F-48-67-C-b
đường tỉnh 316	KX	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn			21° 11' 35"	105° 10' 43"	21° 09' 23"	105° 11' 15"	F-48-67-C-b
cầu Bình Dân	KX	xã Thục Luyện	H. Thanh Sơn	21° 12' 05"	105° 10' 02"					F-48-67-C-b
xóm Cáp	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 59' 33"	105° 07' 21"					F-48-79-A-a
xóm Cảy	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	21° 00' 02"	105° 08' 19"					F-48-67-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Chúa	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 59' 31"	105° 06' 54"					F-48-79-A-a
xóm Đá Trắng	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 58' 51"	105° 10' 11"					F-48-79-A-b
xóm Lài Cháu	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 59' 20"	105° 07' 16"					F-48-79-A-a
xóm Mặc Chanh	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 58' 47"	105° 07' 56"					F-48-79-A-b
xóm Mu	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 58' 43"	105° 08' 08"					F-48-79-A-b
xóm Sinh Tàn	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 59' 14"	105° 09' 51"					F-48-79-A-b
xóm Tu Chạn	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 59' 41"	105° 07' 38"					F-48-79-A-b
xóm Vì	DC	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 58' 54"	105° 07' 18"					F-48-79-A-a
núi Kẻ Khố	SV	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 59' 42"	105° 11' 05"					F-48-79-A-b
núi Phù Chu	SV	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn	20° 58' 07"	105° 05' 15"					F-48-79-A-a
suối Dân	TV	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn			20° 57' 12"	105° 07' 43"	20° 59' 11"	105° 07' 36"	F-48-79-A-b
suối Giữa	TV	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn			20° 59' 38"	105° 05' 24"	20° 59' 38"	105° 06' 51"	F-48-79-A-a
suối Lài	TV	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn			20° 59' 24"	105° 07' 02"	21° 00' 13"	105° 07' 40"	F-48-79-A-a
suối Lam	TV	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn			20° 59' 38"	105° 06' 47"	20° 59' 33"	105° 07' 06"	F-48-79-A-a
suối Sinh	TV	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn			20° 59' 11"	105° 07' 36"	20° 59' 45"	105° 07' 25"	F-48-79-A-b
suối Táo	TV	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn			20° 58' 15"	105° 06' 06"	20° 59' 24"	105° 07' 02"	F-48-79-A-a
suối Vì	TV	xã Thượng Cửu	H. Thanh Sơn			20° 58' 16"	105° 06' 45"	20° 59' 16"	105° 07' 30"	F-48-79-A-a
xóm Ấp Giáo	DC	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 58' 35"	105° 19' 34"					F-48-79-B-a
xóm Đồng Viết	DC	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 57' 47"	105° 19' 39"					F-48-79-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Gò Đa	DC	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 56' 45"	105° 20' 21"					F-48-79-B-a
xóm Láng Mái	DC	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 57' 18"	105° 20' 06"					F-48-79-B-a
xóm Lương Sơn 2	DC	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 58' 22"	105° 19' 37"					F-48-79-B-a
xóm Mới	DC	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 57' 28"	105° 19' 05"					F-48-79-B-a
xóm Sính	DC	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 58' 02"	105° 18' 56"					F-48-79-B-a
xóm Tân Đà	DC	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 56' 30"	105° 19' 46"					F-48-79-B-a
núi Đá Bia	SV	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 57' 46"	105° 18' 33"					F-48-79-B-a
sông Đà	TV	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn			20° 56' 31"	105° 20' 32"	20° 59' 12"	105° 19' 35"	F-48-79-B-a
đường tỉnh 317	KX	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn			20° 56' 32"	105° 20' 20"	20° 59' 08"	105° 19' 27"	F-48-79-B-a
chợ Tân	KX	xã Tinh Nhuệ	H. Thanh Sơn	20° 56' 45"	105° 20' 22"					F-48-79-B-a
xóm Cát	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 12"	105° 06' 17"					F-48-67-C-c
xóm Dẹ 1	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 50"	105° 06' 38"					F-48-67-C-c
xóm Dẹ 2	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 27"	105° 06' 54"					F-48-67-C-c
xóm Đồng Mật	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 39"	105° 06' 52"					F-48-67-C-a
xóm Kén	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 56"	105° 05' 45"					F-48-67-C-a
xóm Liệm	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 40"	105° 05' 47"					F-48-67-C-c
xóm Mật	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 20"	105° 06' 40"					F-48-67-C-c
xóm Tam Văn	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 20"	105° 07' 57"					F-48-67-C-d
xóm Thành Công	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 28"	105° 09' 26"					F-48-67-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trầu	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 14"	105° 07' 17"					F-48-67-C-c
xóm Trống	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 29"	105° 07' 10"					F-48-67-C-c
xóm Văn Lâm	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 56"	105° 07' 39"					F-48-67-C-d
xóm Văn Phú	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 56"	105° 07' 09"					F-48-67-C-c
xóm Xè 1	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 34"	105° 07' 53"					F-48-67-C-d
xóm Xè 2	DC	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 41"	105° 08' 31"					F-48-67-C-d
núi Cá Kểu	SV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 15"	105° 09' 00"					F-48-67-C-d
đồi Mu Vủa	SV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 04"	105° 06' 47"					F-48-67-C-c
đồi Vớn	SV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn	21° 05' 19"	105° 06' 34"					F-48-67-C-c
suối Dân	TV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn			21° 05' 21"	105° 07' 47"	21° 06' 58"	105° 07' 53"	F-48-67-C-d
suối Giát	TV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn			21° 06' 43"	105° 06' 14"	21° 07' 44"	105° 07' 12"	F-48-67-C-a
suối Hẹ	TV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn			21° 04' 32"	105° 07' 41"	21° 05' 21"	105° 07' 47"	F-48-67-C-d
suối Xè	TV	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn			21° 05' 15"	105° 11' 08"	21° 05' 43"	105° 07' 49"	F-48-67-C-d
đường tỉnh 322	KX	xã Văn Miếu	H. Thanh Sơn			21° 07' 54"	105° 07' 19"	21° 04' 53"	105° 08' 01"	F-48-67-C-c
xóm Bần 1	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 08' 03"	105° 07' 47"					F-48-67-C-b
xóm Bần 2	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 08' 32"	105° 07' 07"					F-48-67-C-a
xóm Bành	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 08' 06"	105° 08' 34"					F-48-67-C-b
xóm Chại	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 28"	105° 07' 31"					F-48-67-C-b
xóm Cốc	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 15"	105° 08' 22"					F-48-67-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Do	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 15"	105° 07' 02"					F-48-67-C-a
xóm Dù	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 10' 30"	105° 07' 21"					F-48-67-C-a
xóm Gò Vường	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 08' 26"	105° 07' 31"					F-48-67-C-b
xóm Liên Thành	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 55"	105° 09' 03"					F-48-67-C-b
xóm Mạ	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 08' 50"	105° 08' 07"					F-48-67-C-b
xóm Mạ Bằng	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 08' 21"	105° 08' 08"					F-48-67-C-b
xóm Rịa 1	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 00"	105° 09' 03"					F-48-67-C-d
xóm Rịa 1	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 06' 38"	105° 09' 31"					F-48-67-C-d
xóm Rịa 2	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 32"	105° 09' 22"					F-48-67-C-b
xóm Sang Dưới	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 04"	105° 07' 41"					F-48-67-C-b
xóm Sơn Hà	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 10' 39"	105° 07' 39"					F-48-67-C-b
khu Tân Bình	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 11' 27"	105° 08' 32"					F-48-67-C-b
xóm Tân Bình	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 11' 12"	105° 08' 17"					F-48-67-C-b
khu Tân Bình	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 11' 18"	105° 08' 51"					F-48-67-C-b
xóm Tân Phong	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 03"	105° 09' 23"					F-48-67-C-b
xóm Thanh Hà	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 34"	105° 08' 37"					F-48-67-C-b
xóm Trại Giáo	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 10' 58"	105° 08' 05"					F-48-67-C-b
xóm Vắng	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 57"	105° 07' 09"					F-48-67-C-a
xóm Vùng	DC	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 07' 46"	105° 07' 57"					F-48-67-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Chài	SV	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn	21° 09' 28"	105° 06' 41"					F-48-67-C-a
suối Chăn	TV	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn			21° 07' 43"	105° 09' 49"	21° 10' 57"	105° 09' 22"	F-48-67-C-b
sông Dân	TV	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn			21° 06' 58"	105° 07' 53"	21° 10' 55"	105° 07' 51"	F-48-67-C-a
đường tỉnh 316C	KX	xã Võ Miếu	H. Thanh Sơn			21° 10' 15"	105° 09' 24"	21° 07' 54"	105° 07' 19"	F-48-67-C-b
khu Bài Xoan	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	21° 00' 22"	105° 16' 39"					F-48-67-D-c
xóm Đành	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	21° 00' 46"	105° 15' 33"					F-48-67-D-c
khu Dốc Đỏ	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	20° 59' 29"	105° 15' 51"					F-48-79-B-a
khu Đông Thịnh	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	21° 00' 02"	105° 15' 52"					F-48-67-D-c
xóm Gò Đa	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	21° 00' 13"	105° 15' 05"					F-48-67-D-c
xóm Né	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	21° 00' 53"	105° 16' 42"					F-48-67-D-c
xóm Pheo	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	20° 58' 59"	105° 15' 57"					F-48-79-B-a
xóm Trung Thịnh	DC	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	20° 59' 44"	105° 15' 23"					F-48-79-B-a
ngòi Lạt	TV	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn			21° 00' 05"	105° 15' 17"	21° 00' 14"	105° 17' 03"	F-48-67-D-c
cầu Đồng Gốc	KX	xã Yên Lãng	H. Thanh Sơn	20° 59' 07"	105° 15' 49"					F-48-79-B-a
khu Bồ Sồ	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 58' 12"	105° 12' 50"					F-48-79-A-b
xóm Đá	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 59' 26"	105° 15' 23"					F-48-79-B-a
xóm Đám Má	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 58' 58"	105° 15' 30"					F-48-79-B-a
xóm Đồng Quất	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 58' 39"	105° 12' 10"					F-48-79-A-b
xóm Lục Lương	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	21° 00' 22"	105° 14' 53"					F-48-67-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Mu Hang	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 59' 11"	105° 15' 06"					F-48-79-B-a
xóm Náy	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 57' 33"	105° 12' 52"					F-48-79-A-b
xóm Soi	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 59' 28"	105° 14' 52"					F-48-79-A-b
xóm Trại	DC	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 59' 46"	105° 14' 44"					F-48-79-A-b
núi Đền	SV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 58' 40"	105° 11' 29"					F-48-79-A-b
núi Táu	SV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 58' 26"	105° 14' 14"					F-48-79-A-b
núi Trạc	SV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 59' 10"	105° 14' 03"					F-48-79-A-b
suối Cái	TV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			20° 58' 16"	105° 11' 52"	20° 58' 48"	105° 14' 50"	F-48-79-A-b
ngòi Lạt	TV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			20° 59' 52"	105° 14' 05"	21° 00' 00"	105° 15' 07"	F-48-79-B-a
suối Lìm	TV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			20° 59' 45"	105° 12' 44"	20° 59' 52"	105° 14' 05"	F-48-67-C-d
suối Lìm	TV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			20° 57' 56"	105° 14' 52"	20° 59' 19"	105° 15' 11"	F-48-79-A-b
suối Ngòi Long	TV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			21° 01' 00"	105° 14' 56"	21° 00' 35"	105° 15' 28"	F-48-67-D-c
suối Quất	TV	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			20° 59' 19"	105° 15' 11"	21° 00' 05"	105° 15' 17"	F-48-79-A-b
đường tỉnh 316	KX	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn			21° 00' 55"	105° 14' 40"	20° 59' 07"	105° 15' 47"	F-48-79-A-b
cầu Rậm Xi	KX	xã Yên Lương	H. Thanh Sơn	20° 59' 50"	105° 14' 40"					F-48-79-A-b
đội 1	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 58' 53"	105° 16' 44"					F-48-79-B-a
đội 2	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 20"	105° 16' 57"					F-48-79-B-a
đội 3	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 22"	105° 17' 30"					F-48-79-B-a
khu Bến Dầm	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 59' 55"	105° 16' 51"					F-48-79-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bưng	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 55' 52"	105° 17' 15"					F-48-79-B-a
khu Chen	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 19"	105° 15' 37"					F-48-79-B-a
xóm Chiềng	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 47"	105° 17' 01"					F-48-79-B-a
khu Chự	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 10"	105° 14' 43"					F-48-79-A-b
khu Đề Ngữ	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 58' 29"	105° 17' 05"					F-48-79-B-a
xóm Đồng Mát	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 51"	105° 18' 38"					F-48-79-B-a
khu Hạ Sơn	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 32"	105° 18' 31"					F-48-79-B-a
khu Hồ	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 40"	105° 12' 49"					F-48-79-A-b
khu Lau	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 58' 04"	105° 17' 10"					F-48-79-B-a
khu Liên Chung	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 52"	105° 16' 42"					F-48-79-B-a
khu Mố	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 59' 40"	105° 16' 26"					F-48-79-B-a
xóm Mỏ	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 35"	105° 17' 11"					F-48-79-B-a
khu Trại Yên	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 25"	105° 18' 26"					F-48-79-B-a
xóm Von Ngoài	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 26"	105° 16' 45"					F-48-79-B-a
xóm Von Trong	DC	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 59"	105° 17' 32"					F-48-79-B-a
núi Ác	SV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 21"	105° 13' 24"					F-48-79-A-b
núi Chung	SV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 55' 32"	105° 16' 24"					F-48-79-B-a
dốc Cổng Trời	SV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 56' 43"	105° 16' 09"					F-48-79-B-a
dốc Đá Bia	SV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 45"	105° 18' 20"					F-48-79-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Duôi	SV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 55' 47"	105° 18' 51"					F-48-79-B-a
núi Tu Tinh	SV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 57' 48"	105° 15' 35"					F-48-79-B-a
suối Bẩn	TV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn			20° 56' 41"	105° 14' 56"	20° 57' 56"	105° 14' 52"	F-48-79-B-a
suối Bản Thơm	TV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn			20° 56' 47"	105° 13' 16"	20° 57' 29"	105° 14' 39"	F-48-79-B-a
suối Cái	TV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn			20° 56' 02"	105° 18' 27"	20° 58' 49"	105° 17' 12"	F-48-79-A-b
ngòi Lạt	TV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn			20° 56' 51"	105° 17' 11"	20° 57' 37"	105° 17' 00"	F-48-79-B-a
suối Vui	TV	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn			20° 58' 28"	105° 16' 49"	20° 59' 42"	105° 16' 44"	F-48-79-A-b
đường tỉnh 316	KX	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn			20° 58' 50"	105° 16' 09"	20° 57' 19"	105° 18' 42"	F-48-79-B-a
di tích Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	21° 10' 47"	105° 16' 09"					F-48-79-B-a
cầu Trắng	KX	xã Yên Sơn	H. Thanh Sơn	20° 58' 21"	105° 16' 46"					F-48-79-B-a
thôn Bảo Yên	DC	xã Bảo Yên	H. Thanh Thủy	21° 08' 39"	105° 17' 21"					F-48-67-D-a
thôn Thượng Lộc	DC	xã Bảo Yên	H. Thanh Thủy	21° 09' 01"	105° 17' 09"					F-48-67-D-a
thôn Viễn Lãm	DC	xã Bảo Yên	H. Thanh Thủy	21° 08' 31"	105° 16' 58"					F-48-67-D-a
xóm Đào Dâu	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 13' 58"	105° 17' 41"					F-48-67-D-a
thôn Đao Thôn	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 13' 36"	105° 17' 48"					F-48-67-D-a
thôn Đồng Cheo	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 13' 30"	105° 16' 24"					F-48-67-D-a
xứ Mã Mo	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 13' 17"	105° 17' 52"					F-48-67-D-a
thôn Phú Xuân	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 12' 48"	105° 16' 13"					F-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phương Giao	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 14' 12"	105° 16' 20"					F-48-67-D-a
xóm Sở	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 14' 10"	105° 17' 02"					F-48-67-D-a
thôn Tân Thắng	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 12' 50"	105° 17' 46"					F-48-67-D-a
Trường Lào	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 13' 19"	105° 15' 11"					F-48-67-D-a
thôn Trường Xuân	DC	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 13' 37"	105° 16' 59"					F-48-67-D-a
đèo Giạt	SV	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 12' 42"	105° 13' 58"					F-48-67-C-b
đồi Mâu	SV	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 14' 27"	105° 16' 43"					F-48-67-D-a
đường tỉnh 316B	KX	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy			21° 12' 13"	105° 16' 58"	21° 14' 27"	105° 17' 07"	F-48-67-D-a
di tích Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Đào Xá	H. Thanh Thủy	21° 12' 30"	105° 16' 55"					F-48-67-D-a
xóm Trại	DC	xã Đoan Hạ	H. Thanh Thủy	21° 07' 49"	105° 18' 10"					F-48-67-D-a
ngòi Cái	TV	xã Đoan Hạ	H. Thanh Thủy			21° 07' 27"	105° 17' 14"	21° 08' 51"	105° 17' 28"	F-48-67-D-a
sông Đà	TV	xã Đoan Hạ	H. Thanh Thủy			21° 07' 47"	105° 18' 28"	21° 08' 56"	105° 17' 34"	F-48-67-D-a
đường tỉnh 317	KX	xã Đoan Hạ	H. Thanh Thủy			21° 07' 42"	105° 18' 17"	21° 08' 35"	105° 17' 32"	F-48-67-D-a
xóm Chợ	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 06' 28"	105° 18' 50"					F-48-67-D-c
xóm Đình	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 06' 38"	105° 18' 39"					F-48-67-D-c
thôn Đoan Thượng	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 07' 12"	105° 18' 35"					F-48-67-D-c
xóm Phiên Ba	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 06' 12"	105° 18' 16"					F-48-67-D-c
xóm Phú Đồi	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 05' 41"	105° 18' 14"					F-48-67-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phương Đông	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 05' 50"	105° 18' 22"					F-48-67-D-c
thôn Sông Đà	DC	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	21° 06' 29"	105° 18' 42"					F-48-67-D-c
phà Đồng Luận	KX	xã Đồng Luận	H. Thanh Thủy	105° 19' 05"	21° 06' 35"					F-48-67-D-c
thôn Ba Đông	DC	xã Hoàng Xá	H. Thanh Thủy	21° 07' 05"	105° 17' 11"					F-48-67-D-c
thôn Hùng Sơn	DC	xã Hoàng Xá	H. Thanh Thủy	21° 06' 16"	105° 16' 11"					F-48-67-D-c
thôn Liên Minh	DC	xã Hoàng Xá	H. Thanh Thủy	21° 07' 20"	105° 17' 03"					F-48-67-D-c
thôn Minh Xuân	DC	xã Hoàng Xá	H. Thanh Thủy	21° 07' 08"	105° 16' 42"					F-48-67-D-c
thôn Tiền Phong	DC	xã Hoàng Xá	H. Thanh Thủy	21° 06' 36"	105° 16' 39"					F-48-67-D-c
ngòi Cái	TV	xã Hoàng Xá	H. Thanh Thủy			21° 06' 43"	105° 15' 35"	21° 07' 27"	105° 17' 14"	F-48-67-D-c
xóm Bè	DC	xã La Phù	H. Thanh Thủy	21° 09' 26"	105° 15' 58"					F-48-67-D-a
thôn Động Lâm	DC	xã La Phù	H. Thanh Thủy	21° 09' 48"	105° 16' 43"					F-48-67-D-a
xóm Hoàng Mai	DC	xã La Phù	H. Thanh Thủy	21° 10' 28"	105° 16' 23"					F-48-67-D-a
thôn La Phù	DC	xã La Phù	H. Thanh Thủy	21° 10' 28"	105° 16' 53"					F-48-67-D-a
thôn Thanh Lâm	DC	xã La Phù	H. Thanh Thủy	21° 09' 28"	105° 16' 40"					F-48-67-D-a
xóm Trại	DC	xã La Phù	H. Thanh Thủy	21° 09' 43"	105° 15' 48"					F-48-67-D-a
đường tỉnh 316	KX	xã La Phù	H. Thanh Thủy			21° 10' 53"	105° 17' 16"	21° 10' 43"	105° 16' 22"	F-48-67-D-a
xóm Đồng Bon	DC	xã Phượng Mao	H. Thanh Thủy	21° 04' 22"	105° 16' 03"					F-48-67-D-c
xóm Đồng Long	DC	xã Phượng Mao	H. Thanh Thủy	21° 04' 39"	105° 16' 36"					F-48-67-D-c
xóm Đồng Miếu	DC	xã Phượng Mao	H. Thanh Thủy	21° 04' 46"	105° 15' 56"					F-48-67-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Mít	DC	xã Phượng Mao	H. Thanh Thủy	21° 04' 10"	105° 15' 37"					F-48-67-D-c
thôn Đông Vối	DC	xã Phượng Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 51"	105° 16' 50"					F-48-67-D-c
xóm Láng Xẻo	DC	xã Phượng Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 50"	105° 16' 17"					F-48-67-D-c
xóm Trại	DC	xã Phượng Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 54"	105° 17' 27"					F-48-67-D-c
đồi Nhộng Trám	SV	xã Phượng Mao	H. Thanh Thủy	21° 04' 14"	105° 16' 04"					F-48-67-D-c
hồ Phượng Mao	TV	xã Phượng Mao	H. Thanh Thủy	21° 04' 26"	105° 15' 29"					F-48-67-D-c
thôn Phù Lao	DC	xã Sơn Thủy	H. Thanh Thủy	21° 08' 55"	105° 15' 38"					F-48-67-D-a
xóm Rừng	DC	xã Sơn Thủy	H. Thanh Thủy	21° 08' 24"	105° 14' 35"					F-48-67-C-b
thôn Sơn Vi	DC	xã Sơn Thủy	H. Thanh Thủy	21° 08' 14"	105° 16' 07"					F-48-67-D-a
thôn Thủy Trạm	DC	xã Sơn Thủy	H. Thanh Thủy	21° 07' 45"	105° 16' 02"					F-48-67-D-a
suối Hàng	TV	xã Sơn Thủy	H. Thanh Thủy			21° 09' 11"	105° 16' 02"	21° 08' 26"	105° 14' 19"	F-48-67-D-a
thôn Phú An	DC	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 11' 26"	105° 17' 07"					F-48-67-D-a
thôn Phương Viên	DC	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 11' 14"	105° 17' 25"					F-48-67-D-a
thôn Tiền Phong	DC	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 10' 58"	105° 17' 02"					F-48-67-D-a
đường tỉnh 316	KX	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy			21° 11' 43"	105° 17' 50"	21° 10' 53"	105° 17' 16"	F-48-67-D-a
đường tỉnh 317	KX	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy			21° 11' 33"	105° 17' 38"	21° 12' 13"	105° 16' 58"	F-48-67-D-a
Xí nghiệp Cao Lanh	KX	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 12' 30"	105° 16' 55"					F-48-67-D-a
mỏ Cao lanh Trường Thạch	KX	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 12' 02"	105° 17' 15"					F-48-67-D-a
mỏ Pens Pat	KX	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 11' 56"	105° 16' 47"					F-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Rát	KX	xã Tân Phương	H. Thanh Thủy	21° 11' 53"	105° 17' 13"					F-48-67-D-a
thôn Đông Mai	DC	xã Thạch Đồng	H. Thanh Thủy	21° 12' 36"	105° 18' 52"					F-48-67-D-a
thôn Đồng Thị	DC	xã Thạch Đồng	H. Thanh Thủy	21° 12' 10"	105° 18' 45"					F-48-67-D-a
thôn Tân Đan	DC	xã Thạch Đồng	H. Thanh Thủy	21° 11' 55"	105° 18' 10"					F-48-67-D-a
đường tỉnh 316	KX	xã Thạch Đồng	H. Thanh Thủy			21° 12' 29"	105° 19' 11"	21° 11' 43"	105° 17' 50"	F-48-67-D-a
xóm Lăng Sương	DC	xã Trung Nghĩa	H. Thanh Thủy	21° 05' 10"	105° 17' 32"					F-48-67-D-c
xóm Trại Mới	DC	xã Trung Nghĩa	H. Thanh Thủy	21° 05' 29"	105° 17' 24"					F-48-67-D-c
xóm Việt Hùng	DC	xã Trung Nghĩa	H. Thanh Thủy	21° 05' 46"	105° 17' 34"					F-48-67-D-c
đường tỉnh 317	KX	xã Trung Nghĩa	H. Thanh Thủy			21° 04' 06"	105° 17' 41"	21° 05' 36"	105° 18' 16"	F-48-67-D-c
thôn Trung Lập	DC	xã Trung Thịnh	H. Thanh Thủy	21° 06' 50"	105° 17' 34"					F-48-67-D-c
xóm Bến Láng	DC	xã Tu Vũ	H. Thanh Thủy	21° 00' 33"	105° 17' 49"					F-48-67-D-c
xóm Dân Chủ	DC	xã Tu Vũ	H. Thanh Thủy	21° 00' 36"	105° 18' 31"					F-48-67-D-c
xóm Độc Lập	DC	xã Tu Vũ	H. Thanh Thủy	21° 01' 12"	105° 18' 00"					F-48-67-D-c
đường tỉnh 317	KX	xã Tu Vũ	H. Thanh Thủy			21° 00' 19"	105° 18' 26"	21° 01' 28"	105° 17' 43"	F-48-67-D-c
thôn Hạ Bì	DC	xã Xuân Lộc	H. Thanh Thủy	21° 13' 09"	105° 19' 48"					F-48-67-D-a
thôn Hướng Thiện	DC	xã Xuân Lộc	H. Thanh Thủy	21° 13' 28"	105° 20' 15"					F-48-67-D-a
thôn Xuân Dương	DC	xã Xuân Lộc	H. Thanh Thủy	21° 13' 13"	105° 18' 57"					F-48-67-D-a
đầm Xuân Dương	TV	xã Xuân Lộc	H. Thanh Thủy	21° 13' 07"	105° 18' 45"					F-48-67-D-a
đường tỉnh 316	KX	xã Xuân Lộc	H. Thanh Thủy			21° 13' 42"	105° 20' 34"	21° 12' 29"	105° 19' 11"	F-48-67-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cờ Đỏ	DC	xã Yến Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 37"	105° 17' 12"					F-48-67-D-c
xóm Đền	DC	xã Yến Mao	H. Thanh Thủy	21° 01' 56"	105° 17' 22"					F-48-67-D-c
xóm Đồi Củ	DC	xã Yến Mao	H. Thanh Thủy	21° 01' 36"	105° 17' 25"					F-48-67-D-c
xóm Đồng Chác	DC	xã Yến Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 31"	105° 16' 03"					F-48-67-D-c
xóm Đồng Nhím	DC	xã Yến Mao	H. Thanh Thủy	21° 02' 11"	105° 17' 15"					F-48-67-D-c
xóm Đồng Sui	DC	xã Yến Mao	H. Thanh Thủy	21° 02' 29"	105° 16' 40"					F-48-67-D-c
xóm Đồng Xuân	DC	xã Yến Mao	H. Thanh Thủy	21° 01' 20"	105° 17' 14"					F-48-67-D-c
xóm Thành Long	DC	xã Yến Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 02"	105° 16' 48"					F-48-67-D-c
xóm Xuân Trung	DC	xã Yến Mao	H. Thanh Thủy	21° 03' 21"	105° 16' 48"					F-48-67-D-c
xóm Chùa	DC	TT. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 44"	105° 03' 04"					F-48-67-A-c
xóm Đình	DC	TT. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 11"	105° 02' 44"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Cạn	DC	TT. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 20' 58"	105° 02' 17"					F-48-67-A-c
xóm Mít	DC	TT. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 22' 05"	105° 03' 05"					F-48-67-A-c
xóm Mơ	DC	TT. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 22' 25"	105° 02' 36"					F-48-67-A-a
xóm Tân An	DC	TT. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 20' 52"	105° 03' 04"					F-48-67-A-c
xóm Trung Ngãi	DC	TT. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 20' 35"	105° 02' 58"					F-48-67-A-c
dốc Đá Thờ	SV	TT. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 56"	105° 04' 10"					F-48-67-A-c
ngòi Cả	TV	TT. Yên Lập	H. Yên Lập			21° 21' 07"	105° 02' 52"	21° 22' 02"	105° 04' 28"	F-48-67-A-c
đường tỉnh 313	KX	TT. Yên Lập	H. Yên Lập			21° 20' 49"	105° 03' 28"	21° 22' 03"	105° 04' 27"	F-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Bến Sổ	KX	TT. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 13"	105° 02' 59"					F-48-67-A-c
cầu Bến Sơn	KX	TT. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 30"	105° 03' 49"					F-48-67-A-c
Nông trường Hưng Long	KX	TT. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 48"	105° 03' 46"					F-48-67-A-c
cầu Thủy Điện	KX	TT. Yên Lập	H. Yên Lập	21° 21' 19"	105° 03' 21"					F-48-67-A-c
xóm An Lạc	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 20' 27"	105° 06' 23"					F-48-67-A-c
xóm Dân Thanh	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 19' 28"	105° 05' 51"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Khanh	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 20' 22"	105° 05' 39"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Mạ	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 19' 12"	105° 05' 54"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Thanh	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 19' 54"	105° 05' 47"					F-48-67-A-c
xóm Minh Phúc	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 19' 24"	105° 06' 34"					F-48-67-A-c
xóm Minh Tân	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 19' 47"	105° 06' 20"					F-48-67-A-c
xóm Phú Động	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 18' 56"	105° 07' 07"					F-48-67-A-c
xóm Thi Đua	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 18' 45"	105° 05' 51"					F-48-67-A-c
đồi Con Tượng	SV	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập	21° 20' 09"	105° 06' 45"					F-48-67-A-c
đường tỉnh 330	KX	xã Đồng Lạc	H. Yên Lập			21° 18' 37"	105° 06' 45"	21° 20' 28"	105° 05' 58"	F-48-67-A-c
xóm Bằng Thung	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 18' 23"	105° 04' 03"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Dân	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 33"	105° 03' 18"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Thanh	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 17"	105° 02' 53"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Tiến	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 58"	105° 03' 42"					F-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hạ Bạc	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 00"	105° 02' 58"					F-48-67-A-c
xóm Lèn	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 26"	105° 03' 49"					F-48-67-A-c
xóm Lương Đầu	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 18' 38"	105° 03' 37"					F-48-67-A-c
xóm Minh Tiến	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 32"	105° 03' 20"					F-48-67-A-c
xóm Tâm Bưởi	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 41"	105° 02' 36"					F-48-67-A-c
xóm Tân Hoa	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 14"	105° 03' 20"					F-48-67-A-c
xóm Tân Lập	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 54"	105° 04' 05"					F-48-67-A-c
xóm Thắng Quê	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 21"	105° 04' 18"					F-48-67-A-c
xóm Thống Nhất	DC	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 04"	105° 03' 21"					F-48-67-A-c
suối Cái	TV	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập			21° 18' 48"	105° 03' 18"	21° 20' 51"	105° 03' 38"	F-48-67-A-c
cầu Ao Sen	KX	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 13"	105° 03' 37"					F-48-67-A-c
Công ty Lâm nghiệp Yên Lập	KX	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 20' 20"	105° 03' 10"					F-48-67-A-c
cầu Nghè	KX	xã Đồng Thịnh	H. Yên Lập	21° 19' 17"	105° 03' 06"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Bành	DC	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 22' 24"	105° 01' 14"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Chung	DC	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 21' 26"	105° 01' 40"					F-48-67-A-c
xóm Mè	DC	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 21' 51"	105° 02' 09"					F-48-67-A-c
xóm Thiện I	DC	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 22' 37"	105° 01' 43"					F-48-67-A-a
xóm Thung Bằng	DC	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 22' 17"	105° 02' 01"					F-48-67-A-c
đồi Bài	SV	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 23' 06"	105° 02' 57"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 321	KX	xã Hưng Long	H. Yên Lập			21° 22' 27"	105° 01' 06"	21° 21' 34"	105° 02' 47"	F-48-67-A-c
Xí nghiệp Dịch vụ chè Hưng Long	KX	xã Hưng Long	H. Yên Lập	21° 21' 37"	105° 01' 12"					F-48-67-A-c
xóm Ao Bon	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 28' 22"	104° 58' 15"					F-48-66-B-b
xóm Đá Trắng	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 57"	104° 56' 48"					F-48-66-B-b
xóm Đình A	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 22"	104° 57' 45"					F-48-66-B-b
xóm Đoàn Kết	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 17"	104° 58' 47"					F-48-66-B-b
xóm Hưng Thịnh	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 10"	104° 57' 28"					F-48-66-B-b
xóm Phú Cường	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 21"	104° 58' 30"					F-48-66-B-b
xóm Phú Sơn	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 25' 59"	104° 57' 48"					F-48-66-B-b
xóm Phú Thịnh	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 32"	104° 57' 02"					F-48-66-B-b
xóm Tam Giao	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 48"	104° 59' 23"					F-48-66-B-b
xóm Tân Hội	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 25' 42"	104° 57' 54"					F-48-66-B-b
xóm Tân Lập	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 10"	104° 58' 37"					F-48-66-B-b
xóm Tân Sơn	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 46"	104° 57' 50"					F-48-66-B-b
xóm Thành Lập	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 28' 00"	104° 57' 29"					F-48-66-B-b
xóm Xuân Hương	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 33"	104° 58' 12"					F-48-66-B-b
xóm Xuân Tân	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 04"	104° 58' 16"					F-48-66-B-b
xóm Xuân Thượng	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 28' 31"	104° 57' 48"					F-48-66-B-b
xóm Xuân Tình	DC	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 51"	104° 58' 04"					F-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ngựa Lồng	SV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 26' 01"	104° 56' 32"					F-48-66-B-b
ngòi A	TV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập			21° 27' 13"	104° 57' 48"	21° 27' 09"	104° 58' 56"	F-48-66-B-b
hồ Dộc Giang	TV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 25' 49"	104° 58' 37"					F-48-66-B-b
ngòi Giành	TV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập			21° 26' 09"	104° 59' 01"	21° 27' 36"	104° 59' 39"	F-48-66-B-b
khe Ngựa Lồng	TV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập			21° 25' 52"	104° 56' 46"	21° 26' 35"	104° 57' 23"	F-48-66-B-b
ao Sen	TV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 39"	104° 58' 34"					F-48-66-B-b
suối Thường	TV	xã Lương Sơn	H. Yên Lập			21° 29' 07"	104° 58' 17"	21° 27' 29"	104° 58' 23"	F-48-66-B-b
đường tỉnh 321C	KX	xã Lương Sơn	H. Yên Lập			21° 27' 14"	104° 58' 11"	21° 27' 45"	104° 59' 41"	F-48-66-B-b
cầu Ngòi A	KX	xã Lương Sơn	H. Yên Lập	21° 27' 22"	104° 58' 03"					F-48-66-B-b
thôn Đồng Trò	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 18' 24"	105° 06' 22"					F-48-67-A-c
thôn Đức Xuân	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 17' 23"	105° 06' 53"					F-48-67-A-c
thôn Hồng Quang	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 17' 48"	105° 06' 58"					F-48-67-A-c
thôn Minh Đức	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 17' 04"	105° 07' 56"					F-48-67-A-d
thôn Minh Tiến	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 17' 19"	105° 07' 41"					F-48-67-A-d
thôn Phú Cường	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 18' 01"	105° 07' 21"					F-48-67-A-c
thôn Quyết Tiến	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 16' 45"	105° 07' 35"					F-48-67-A-d
thôn Sinh Tiến	DC	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 16' 20"	105° 08' 13"					F-48-67-A-d
đồi Kiếu	SV	xã Minh Hòa	H. Yên Lập	21° 17' 30"	105° 06' 20"					F-48-67-A-c
ngòi Cái	TV	xã Minh Hòa	H. Yên Lập			21° 17' 07"	105° 07' 43"	21° 18' 43"	105° 06' 52"	F-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 2	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 29' 46"	104° 55' 15"					F-48-66-B-b
khu 4	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 24"	104° 53' 33"					F-48-54-D-d
khu 5	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 13"	104° 54' 17"					F-48-54-D-d
khu 7	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 30' 22"	104° 55' 44"					F-48-54-D-d
khu 8	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 22"	104° 54' 48"					F-48-54-D-d
khu 9	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 10"	104° 55' 09"					
khu 1A	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 29' 49"	104° 54' 17"					F-48-66-B-b
khu 1B	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 30' 27"	104° 54' 02"					F-48-54-D-d
khu 3A	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 26"	104° 53' 21"					F-48-54-D-d
khu 3B	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 00"	104° 53' 55"					F-48-54-D-d
khu 8 Bằng Khế	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 47"	104° 54' 55"					F-48-54-D-d
khu 8 Xóm Mo	DC	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 34"	104° 54' 32"					F-48-54-D-d
núi Bồ Côi	SV	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 32' 42"	104° 54' 40"					F-48-55-C-b
núi Nả	SV	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 32' 05"	104° 52' 558"					F-48-55-C-b
ngòi Lao	TV	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập			21° 31' 21"	104° 52' 59"	21° 30' 33"	104° 55' 54"	F-48-54-D-d
hồ Phai Lón	TV	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 32' 09"	104° 54' 06"					F-48-54-D-d
đường tỉnh 321	KX	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập			21° 32' 16"	104° 53' 37"	21° 29' 45"	104° 56' 00"	F-48-66-B-b
phân trại Số 3 Tân Lập	KX	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 30' 01"	104° 56' 08"					F-48-54-D-d
phân trại Số 4 Tân Lập	KX	xã Mỹ Lung	H. Yên Lập	21° 31' 54"	104° 57' 55"					F-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Đại Cao	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 27' 41"	104° 55' 55"					F-48-66-B-b
khu Đại Đồng	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 05"	104° 56' 46"					F-48-66-B-b
khu Đồng An	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 29' 01"	104° 57' 11"					F-48-66-B-b
khu Đồng Ve	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 42"	104° 56' 47"					F-48-66-B-b
khu Gò Muôn	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 29' 44"	104° 56' 52"					F-48-66-B-b
khu Liên An	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 24"	104° 57' 04"					F-48-66-B-b
khu Phú An	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 27' 59"	104° 56' 27"					F-48-66-B-b
khu Quyết Tiến	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 35"	104° 55' 40"					F-48-66-B-b
khu Tân Bình	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 29' 30"	104° 56' 08"					F-48-66-B-b
khu Tân Tiến	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 14"	104° 55' 12"					F-48-66-B-b
khu Văn Phú	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 29' 01"	104° 56' 48"					F-48-66-B-b
khu Vĩnh Thịnh	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 29' 43"	104° 56' 25"					F-48-66-B-b
khu Xe Ngà	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 27' 25"	104° 56' 31"					F-48-66-B-b
khu Xuân Hà	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 27' 56"	104° 55' 24"					F-48-66-B-b
khu Xuân Nhật	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 33"	104° 56' 39"					F-48-66-B-b
khu Xuân Thắng	DC	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 33"	104° 55' 06"					F-48-66-B-b
núi Đọi	SV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 24' 50"	104° 56' 14"					F-48-66-B-b
dãy núi Đỗng	SV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 31"	104° 53' 43"					F-48-66-B-b
núi Nhà Xe	SV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập	21° 28' 46"	104° 54' 58"					F-48-66-B-b
suối Bò	TV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập			21° 27' 21"	104° 54' 57"	21° 28' 18"	104° 56' 50"	F-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Ngà	TV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập			21° 28' 09"	104° 54' 30"	21° 29' 44"	104° 56' 24"	F-48-66-B-b
ngòi Rùa	TV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập			21° 27' 11"	104° 56' 21"	21° 29' 55"	104° 56' 48"	F-48-66-B-b
ngòi Rường	TV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập			21° 25' 36"	104° 55' 12"	21° 27' 11"	104° 56' 21"	F-48-66-B-b
ngòi Thiểu	TV	xã Mỹ Lương	H. Yên Lập			21° 27' 38"	104° 56' 19"	21° 26' 32"	104° 54' 47"	F-48-66-B-b
khu 1	DC	xã Nga Hoàng	H. Yên Lập	21° 20' 45"	105° 00' 24"					F-48-67-A-c
khu 2	DC	xã Nga Hoàng	H. Yên Lập	21° 21' 31"	105° 00' 35"					F-48-67-A-c
khu 3	DC	xã Nga Hoàng	H. Yên Lập	21° 21' 41"	105° 00' 45"					F-48-67-A-c
núi Đù	SV	xã Nga Hoàng	H. Yên Lập	21° 22' 19"	104° 59' 42"					F-48-66-B-d
khu 1	DC	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 15' 25"	105° 07' 51"					F-48-67-A-d
khu 2	DC	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 15' 40"	105° 08' 12"					F-48-67-A-d
xóm Đồng Vang	DC	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 15' 06"	105° 08' 06"					F-48-67-C-b
khu Kim Xuân	DC	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 15' 28"	105° 08' 32"					F-48-67-C-b
khu Quang Trung	DC	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 13' 11"	105° 09' 16"					F-48-67-C-b
đường tỉnh 330	KX	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập			21° 12' 20"	105° 10' 03"	21° 16' 09"	105° 08' 04"	F-48-67-C-b
công ty Chè Ngọc Đồng	KX	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 14' 28"	105° 08' 49"					F-48-67-C-b
cầu Ngọc Đồng	KX	xã Ngọc Đồng	H. Yên Lập	21° 14' 59"	105° 08' 33"					F-48-67-C-b
khu 16	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 13' 00"	105° 07' 42"					F-48-67-C-b
khu Đá Bàn	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 14' 21"	105° 05' 51"					F-48-67-C-a
khu Hang Đùng	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 15' 26"	105° 04' 52"					F-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Quang Tiến 1	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 13' 04"	105° 08' 13"					F-48-67-C-b
khu Quang Tiến 2	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 13' 50"	105° 07' 40"					F-48-67-C-b
khu Tân Thành 1	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 15' 50"	105° 05' 49"					F-48-67-A-c
khu Tân Thành 2	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 15' 22"	105° 05' 52"					F-48-67-A-c
khu Thống Nhất	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 14' 35"	105° 07' 14"					F-48-67-C-a
khu Thống Nhất 5	DC	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 15' 29"	105° 06' 23"					F-48-67-A-c
ngòi Yển	TV	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập			21° 12' 34"	105° 09' 02"	21° 12' 31"	105° 08' 48"	F-48-67-C-b
đường tỉnh 313	KX	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập			21° 12' 28"	105° 08' 10"	21° 16' 08"	105° 04' 42"	F-48-67-C-b
cầu Gốc Gạo	KX	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 15' 05"	105° 06' 01"					F-48-67-A-c
mỏ đá Hang Đùng	KX	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 15' 14"	105° 05' 10"					F-48-67-A-c
mỏ đá Hoa Ban	KX	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 16' 03"	105° 04' 09"					F-48-67-A-c
Lâm trường Yên Lập	KX	xã Ngọc Lập	H. Yên Lập	21° 14' 47"	105° 06' 22"					F-48-67-C-a
xóm Bằng	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 18' 10"	105° 03' 06"					F-48-67-A-c
xóm Cả	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 17' 57"	105° 03' 16"					F-48-67-A-c
xóm Đình	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 16' 59"	105° 04' 04"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Du	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 18' 40"	105° 03' 03"					F-48-67-A-c
xóm Hầm	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 16' 38"	105° 04' 22"					F-48-67-A-c
xóm Mát	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 17' 23"	105° 02' 58"					F-48-67-A-c
xóm Minh Tân	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 17' 24"	105° 03' 39"					F-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Minh Thượng	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 18' 31"	105° 01' 59"					F-48-67-A-c
xóm Quang Trung	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 17' 54"	105° 03' 37"					F-48-67-A-c
xóm Vông I	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 17' 49"	105° 04' 22"					F-48-67-A-c
xóm Xẻn	DC	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 18' 02"	105° 04' 09"					F-48-67-A-c
đường tỉnh 313	KX	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập			21° 16' 08"	105° 04' 42"	21° 18' 12"	105° 03' 18"	F-48-67-A-c
cầu Đồng Đụn	KX	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 18' 29"	105° 03' 03"					F-48-67-A-c
mỏ đá Hang Chuột	KX	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 16' 48"	105° 03' 30"					F-48-67-A-c
mỏ đá Mèo Gù	KX	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 16' 38"	105° 03' 46"					F-48-67-A-c
cầu Suối Ải	KX	xã Phúc Khánh	H. Yên Lập	21° 17' 16"	105° 03' 30"					F-48-67-A-c
xóm Bưởi	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 30"	105° 01' 46"					F-48-67-A-c
xóm Cảy	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 20' 16"	105° 01' 08"					F-48-67-A-c
xóm Dân Chủ	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 19"	105° 00' 31"					F-48-67-A-c
xóm Đắng	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 49"	105° 01' 38"					F-48-67-A-c
xóm Đình	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 09"	105° 01' 10"					F-48-67-A-c
xóm Đo	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 20' 27"	105° 02' 04"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Chung	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 26"	105° 00' 54"					F-48-67-A-c
xóm Đồng Hù	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 18' 38"	105° 01' 00"					F-48-67-A-c
xóm Gò Vệ	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 20' 11"	105° 00' 32"					F-48-67-A-c
xóm Liên Sơn	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 18' 18"	105° 01' 04"					F-48-67-A-c
xóm Móc	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 54"	105° 00' 23"					F-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ói Lốc	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 20' 25"	105° 00' 38"					F-48-67-A-c
xóm Quán	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 20' 10"	105° 02' 06"					F-48-67-A-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 54"	105° 00' 44"					F-48-67-A-c
xóm Thiều	DC	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 19' 43"	105° 00' 33"					F-48-67-A-c
ngòi Cả	TV	xã Thượng Long	H. Yên Lập			21° 20' 06"	105° 00' 13"	21° 20' 42"	105° 02' 25"	F-48-67-A-c
khe Mu Rùa	TV	xã Thượng Long	H. Yên Lập			21° 19' 40"	104° 59' 10"	21° 19' 27"	105° 00' 22"	F-48-67-A-c
cầu Trắng	KX	xã Thượng Long	H. Yên Lập	21° 20' 18"	105° 01' 58"					F-48-67-A-c
xóm Cả	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 19' 55"	104° 56' 51"					F-48-66-B-d
xóm Châu Đá	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 20' 58"	104° 58' 28"					F-48-66-B-d
xóm Đâng	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 22' 24"	104° 56' 33"					F-48-66-B-d
xóm Đồng Măng	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 22' 12"	104° 54' 19"					F-48-66-B-d
xóm Dùng	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 22' 16"	104° 57' 50"					F-48-66-B-d
khu Khe Bằng	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 20' 33"	104° 55' 00"					F-48-66-B-d
khu Khe Bóp	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 22' 53"	104° 55' 29"					F-48-66-B-b
khu Khe Gầy	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 22' 58"	104° 53' 55"					F-48-66-B-b
khu Khe Nhồi	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 23' 23"	104° 55' 56"					F-48-66-B-b
xóm Nai	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 20' 31"	104° 57' 06"					F-48-66-B-d
xóm Ngọt	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 18' 54"	104° 58' 30"					F-48-66-B-d
xóm Rích	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 20' 18"	104° 56' 27"					F-48-66-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Sặt	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 21' 13"	104° 57' 38"					F-48-66-B-d
xóm Thói	DC	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 19' 44"	104° 57' 34"					F-48-66-B-d
núi Con Voi	SV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 17' 55"	104° 58' 09"					F-48-66-B-d
đèo Sấu	SV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập	21° 19' 20"	104° 59' 03"					F-48-66-B-d
ngòi Dành	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập			21° 19' 40"	104° 55' 51"	21° 20' 49"	104° 57' 28"	F-48-66-B-b
suối Đồng Măng	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập			21° 20' 49"	104° 57' 28"	21° 22' 12"	104° 57' 21"	F-48-66-B-d
khe Ngay	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập			21° 18' 43"	104° 56' 58"	21° 20' 29"	104° 57' 08"	F-48-66-B-d
khe Ngọt	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập			21° 21' 54"	104° 53' 33"	21° 21' 58"	104° 55' 11"	F-48-66-B-d
suối Rích	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập			21° 18' 26"	104° 59' 09"	21° 19' 46"	104° 57' 28"	F-48-66-B-d
ngòi Thói	TV	xã Trung Sơn	H. Yên Lập			21° 21' 58"	104° 55' 11"	21° 23' 14"	104° 57' 55"	F-48-66-B-d
khu An Lạc I	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 21"	104° 59' 16"					F-48-66-B-b
khu An Lạc II	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 39"	104° 59' 20"					F-48-66-B-b
khu An Thọ I	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 15"	104° 59' 02"					F-48-66-B-b
khu Dần	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 11"	104° 58' 24"					F-48-66-B-b
khu Hon I	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 24' 04"	104° 57' 38"					F-48-66-B-b
khu Liên Hiệp I	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 47"	104° 58' 58"					F-48-66-B-b
khu Liên Hiệp II	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 55"	104° 59' 31"					F-48-66-B-b
khu Thịnh	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 32"	104° 58' 18"					F-48-66-B-b
khu Vượng	DC	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 24' 51"	104° 58' 42"					F-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Dần	SV	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 23"	104° 57' 50"					F-48-66-B-b
khe Bún	TV	xã Xuân An	H. Yên Lập			21° 23' 22"	104° 56' 57"	21° 23' 35"	104° 57' 29"	F-48-66-B-b
khe Cháu	TV	xã Xuân An	H. Yên Lập			21° 25' 07"	104° 57' 49"	°24' 43.4579	104° 58' 02"	F-48-66-B-b
hồ Dộc Giang	TV	xã Xuân An	H. Yên Lập	21° 25' 49"	104° 58' 37"					F-48-66-B-b
khe Khiêu	TV	xã Xuân An	H. Yên Lập			21° 23' 30"	104° 56' 43"	21° 23' 44"	104° 57' 26"	F-48-66-B-b
khe Quẽ	TV	xã Xuân An	H. Yên Lập			21° 24' 06"	104° 56' 19"	21° 24' 05"	104° 57' 29"	F-48-66-B-b
đường tỉnh 321A	KX	xã Xuân An	H. Yên Lập			21° 26' 04"	104° 58' 59"	21° 24' 42"	104° 58' 51"	F-48-66-B-b
xóm Cấm	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 22' 34"	105° 00' 43"					F-48-67-A-a
xóm Chính	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 23' 32"	105° 01' 55"					F-48-67-A-a
xóm Dâu I	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 22' 48"	105° 00' 56"					F-48-67-A-a
xóm Dâu II	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 22' 48"	105° 01' 24"					F-48-67-A-a
xóm Đù	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 23' 23"	104° 59' 35"					F-48-66-B-b
xóm Hồng	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 23' 23"	105° 00' 11"					F-48-67-A-a
xóm Liêm I	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 24' 02"	105° 01' 08"					F-48-67-A-a
xóm Liêm II	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 23' 53"	105° 00' 59"					F-48-67-A-a
xóm Tân Lập	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 23' 38"	104° 59' 51"					F-48-67-A-a
xóm Tân Thành	DC	xã Xuân Thủy	H. Yên Lập	21° 23' 13"	105° 01' 32"					F-48-67-A-a
khu Đồng Xuân 1	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 06"	105° 00' 45"					F-48-67-A-a
khu Đồng Xuân 2	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 26"	105° 00' 37"					F-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Đồng Xuân 3	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 01"	105° 00' 09"					F-48-67-A-a
khu Đồng Xuân 4	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 26"	105° 00' 37"					F-48-67-A-a
khu Quảng Đông 1	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 25' 14"	104° 59' 42"					F-48-66-B-b
khu Quảng Đông 2	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 52"	105° 00' 02"					F-48-67-A-a
khu Quảng Đông 3	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 39"	105° 00' 22"					F-48-67-A-a
khu Quyết Tiến 1	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 17"	104° 59' 41"					F-48-66-B-b
khu Quyết Tiến 2	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 23' 54"	104° 59' 39"					F-48-66-B-b
khu Vải Đạng 1	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 36"	104° 59' 20"					F-48-66-B-b
khu Vải Đạng 2	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 50"	104° 59' 24"					F-48-66-B-b
khu Vải Đạng 3	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 44"	104° 59' 37"					F-48-66-B-b
khu Vải Đạng 4	DC	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 25' 05"	104° 59' 29"					F-48-66-B-b
đồi Nhạn	SV	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 25' 38"	105° 00' 10"					F-48-67-A-a
ngòi Giành	TV	xã Xuân Viên	H. Yên Lập			21° 24' 27"	104° 58' 24"	21° 25' 29"	104° 59' 40"	F-48-66-B-b
ngòi Lẻ	TV	xã Xuân Viên	H. Yên Lập			21° 23' 46"	105° 00' 40"	21° 25' 25"	104° 59' 37"	F-48-66-B-b
hồ Vải	TV	xã Xuân Viên	H. Yên Lập	21° 24' 47"	104° 59' 19"					F-48-66-B-b
đường tỉnh 321	KX	xã Xuân Viên	H. Yên Lập			21° 23' 52"	105° 00' 44"	21° 22' 27"	105° 01' 06"	F-48-67-A-a

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc